



HƯỚNG DẪN TỰ NGUYỆN

**GIẢM THIỂU RỦI RO VỀ MÔI TRƯỜNG – XÃ HỘI
CHO DOANH NGHIỆP VIỆT NAM ĐẦU TƯ RA
NƯỚC NGOÀI TRONG LĨNH VỰC NÔNG NGHIỆP
TẠI TIỂU VÙNG MÊ KÔNG**

Hà Nội, tháng 1 năm 2019



NHÀ XUẤT BẢN THANH NIÊN



Nguồn ảnh: Cuộc thi ảnh «Đất và người», Oxfam

MỤC LỤC

PHẦN MỞ ĐẦU.....	5
Lời cảm ơn	5
Giới thiệu về Hướng dẫn	6
Giới thiệu nhóm Doanh nghiệp Tiên phong	12
PHẦN NỘI DUNG	14
CHƯƠNG I: CHUẨN BỊ ĐẦU TƯ.....	14
Xây dựng Kế hoạch đầu tư	14
Đánh giá tác động môi trường và xã hội.....	19
Báo cáo tiền khả thi hoặc báo cáo khả thi của dự án đầu tư	20
Giấy phép đầu tư và chấp thuận địa điểm dự án	21
CHƯƠNG II: THỰC HIỆN ĐẦU TƯ.....	23
Chuẩn bị quỹ đất	23
Thu hồi và Bồi thường đất đai và tài sản.....	24
Giải phóng mặt bằng/ Khai hoang.....	24
Thủ tục về đất đai	25
Thủ tục về môi trường	25
Xây dựng các công trình	26
Vận hành dự án	27
CHƯƠNG III: CHẤM DỨT ĐẦU TƯ	32
Chấm dứt hoặc chuyển nhượng dự án.....	32
VÍ DỤ MINH HỌA.....	33
PHỤ LỤC.....	45
Phụ lục 1: Một số cơ chế giải quyết tranh chấp	45
Phụ lục 2. Danh mục các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan	47
Phụ lục 3. Một số công cụ, hướng dẫn tham khảo.....	49
Phụ lục 4. Thông tin nhóm doanh nghiệp tiên phong.....	50
Phụ lục 5. Các địa chỉ hữu ích.....	52



Ảnh “Vườn cây cao su trồng xen chuối”: Nguyễn Thị Hải,
Công ty Cổ phần Đầu tư Cao su Đắk Lắk (DRI)

PHẦN MỞ ĐẦU

LỜI CẢM ƠN

Hướng dẫn tự nguyện nhằm giảm thiểu rủi ro môi trường – xã hội cho doanh nghiệp Việt Nam đầu tư ra nước ngoài trong lĩnh vực nông nghiệp được xây dựng dựa trên Các nguyên tắc hướng dẫn của Liên Hiệp Quốc về Kinh doanh và Nhân quyền (UN Guiding Principles on Business and Human Rights), kết quả nghiên cứu thực địa và những bài học kinh nghiệm từ hoạt động thực tiễn đầu tư ra nước ngoài của các doanh nghiệp Việt Nam tại Lào và Campuchia.

Chúng tôi trân trọng cảm ơn các thành viên Nhóm Doanh nghiệp Tiên phong đã đồng hành cùng chúng tôi xây dựng Hướng dẫn này. Sự đồng hành và tiên phong của nhóm được nhìn nhận theo nhiều nghĩa. Trước tiên, nó đánh dấu một bước tiến mới trong hành trình tìm hiểu, xây dựng niềm tin và sự hợp tác giữa các Doanh nghiệp và các tổ chức phi chính phủ, vốn vẫn còn khiêm tốn và dè dặt ở Việt Nam và trong khu vực. Thứ hai, sự hợp tác này hướng tới giải quyết một trong những vấn đề cốt lõi nhất và cũng là khác biệt lớn nhất về quan điểm giữa khối Doanh nghiệp và Phi chính phủ là những tác động, đặc biệt là tiêu cực về vấn đề môi trường và xã hội trong quá trình đầu tư. Thứ ba, các thành viên Nhóm Doanh nghiệp Tiên phong thật sự là những người đi đầu trong lĩnh vực đầu tư nông nghiệp ra nước ngoài của các Doanh nghiệp Việt Nam. Những chia sẻ thẳng thắn và những đóng góp chân thành của họ được đúc kết từ chính những kinh nghiệm từ hoạt động đầu tư ra nước ngoài của Doanh nghiệp mình. Những chia sẻ mang tính trải

nghiệm là phần bù quý giá cho nội dung hướng dẫn dựa trên nghiên cứu của Nhóm tác giả. Sự hợp tác này cũng được xem là dấu mốc quan trọng nhằm mở ra cơ hội để các bên liên quan có thể tiếp tục phát triển mối quan hệ hợp tác trong tương lai gần nhằm đảm bảo cân bằng giữa kinh tế – môi trường – xã hội hay phát triển bền vững trong hoạt động đầu tư ra nước ngoài của các Doanh nghiệp Việt Nam.

Chúng tôi xin trân trọng cảm ơn các đối tác gồm chính quyền địa phương, Doanh nghiệp, các tổ chức phi chính phủ và các cộng đồng ở Campuchia, Lào và Việt Nam đã cung cấp thông tin và ý kiến đóng góp, tư vấn trong quá trình nghiên cứu thực địa và xây dựng Hướng dẫn tự nguyện này. Đặc biệt, chúng tôi xin gửi lời cảm ơn trân trọng đến Chương trình Đối tác Mê Kông về Môi trường (Mekong Partnership for the Environment), Tổ chức PACT, Quỹ Đối tác Sinh thái trọng yếu (Critical Ecosystem Partnership Fund - CEPF) đã hỗ trợ tài chính để thực hiện nghiên cứu và hoàn thiện Hướng dẫn này.

Đây là tài liệu Hướng dẫn đầu tiên cho Doanh nghiệp Việt Nam khi thực hiện đầu tư ra nước ngoài, vì thế, dù đã hết sức cố gắng, song chắc chắn tài liệu vẫn còn nhiều hạn chế và thiếu toàn diện. Chúng tôi rất mong nhận được các nhận xét, các ý kiến góp ý và phê bình của độc giả, người sử dụng để chỉnh sửa tài liệu ngày càng hoàn thiện hơn.

GIỚI THIỆU VỀ HƯỚNG DẪN

Kể từ năm 1989, khi dự án đầu tư ra nước ngoài đầu tiên được thực hiện, tính đến hết năm 2015, các Doanh nghiệp Việt Nam đã đăng ký 1.049 dự án đầu tư ra nước ngoài với tổng số vốn khoảng 20,8 tỷ USD. Khoáng sản, nông – lâm – ngư nghiệp và sản xuất và phân phối điện lần lượt là những ngành Việt Nam đầu tư ra nước ngoài (ĐTRNN) chiếm tỷ trọng vốn lớn nhất.

Bên cạnh những đóng góp tích cực vào phát triển kinh tế xã hội cho Việt Nam, các quốc gia và cộng đồng tiếp nhận đầu tư thì ĐTRNN, đặc biệt là đầu tư ra nước ngoài trong lĩnh vực nông nghiệp là ngành kinh tế tiềm ẩn nhiều rủi ro. Ngoài những rủi ro truyền thống như thời tiết, thiên tai, thị trường, đầu tư nông nghiệp còn tiềm ẩn những rủi ro liên quan đến môi trường và xã hội do nhu cầu về quỹ đất và lực lượng lao động lớn. Rủi ro này càng trở nên rõ ràng hơn khi phần lớn những dự án đầu tư nông nghiệp của Việt Nam ra nước ngoài tập trung vào các quốc gia như Lào và Campuchia, nơi hệ thống đăng ký và quản lý đất đai chưa hoàn thiện và tập quán lao động chưa được định hình rõ nét. Những khác biệt về văn hóa, pháp luật và môi trường giữa Việt Nam và các Quốc gia tiếp nhận đầu tư này đã dẫn đến các tranh chấp ngoài mong muốn, qua đó ảnh hưởng đến việc thực hiện dự án, quyền và lợi ích của người dân địa phương cũng như hình ảnh của nhà đầu tư Việt Nam trong khu vực.

Từ kết quả nghiên cứu về đầu tư Việt Nam trong lĩnh vực nông nghiệp tại Lào và Campuchia do Trung tâm Con người và Thiên nhiên (PanNature), Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam (VCCI) và Tổ chức Oxfam tại Việt Nam thực hiện vào các năm 2015 và 2016, tài liệu này được xây dựng với mục đích nhằm góp phần giảm thiểu rủi ro về môi trường và xã hội cho hoạt động đầu tư của Doanh nghiệp Việt Nam ra nước ngoài, đảm bảo hài hòa lợi ích của Doanh nghiệp Việt Nam, chính quyền sở tại và người dân địa phương nơi có các hoạt động đầu tư của Doanh nghiệp Việt Nam. Qua đó góp phần xây dựng hình ảnh tích cực, tiên phong của các nhà đầu tư Việt Nam nói riêng và quốc gia Việt Nam nói chung trong việc hướng tới đầu tư có trách nhiệm, đặc biệt là đối với những tác động về môi trường và xã hội.

MỤC TIÊU CỦA HƯỚNG DẪN

(i) **Cung cấp thông tin:** Hướng dẫn này giúp cung cấp thông tin tổng thể về quy trình ĐTRNN từ Việt Nam đến nước nhận đầu tư thông qua từng bước đầu tư với những rủi ro môi trường – xã hội

tiềm ẩn qua những chính sách và pháp luật liên quan.

(ii) **Nâng cao nhận thức:** Hướng dẫn này giúp các nhà đầu tư nhận biết và áp dụng luật pháp, cơ chế, chính sách chính thức và phi chính thức liên quan đến đầu tư ra nước ngoài của Việt Nam và chính sách đầu tư nước ngoài, thu hút đầu tư nước ngoài của các nước tiếp nhận đầu tư. Các vấn đề về môi trường và xã hội phát sinh từ hoạt động đầu tư nhằm giảm thiểu rủi ro trong hoạt động đầu tư.

(iii) **Hỗ trợ kết nối các bên:** Hướng dẫn cung cấp các thông tin và địa chỉ hữu ích giúp các bên dễ dàng tìm kiếm thông tin và kết nối. Mặt khác, đầu mối thông tin của Hướng dẫn cũng là đơn vị hỗ trợ kết nối giữa các bên liên quan trong quá trình thực hiện và áp dụng Hướng dẫn nhằm tăng cường hiệu quả đầu tư.

PHẠM VI HƯỚNG DẪN

Hướng dẫn xây dựng dựa trên nghiên cứu về đầu tư Việt Nam tại tiểu vùng Mê Kông, đặc biệt tại Lào và Campuchia nên có những đặc thù nhất định. Những ví dụ hay thông tin dẫn chiếu vì vậy cũng tập trung nhiều vào những quốc gia này. Vì thế, hướng dẫn này được sử dụng chủ yếu cho các doanh nghiệp Việt Nam đầu tư trong lĩnh vực nông nghiệp tại các nước thuộc tiểu vùng sông Mê Kông, đặc biệt là Lào và Campuchia.

Tuy nhiên, nội dung Hướng dẫn có tham khảo các kinh nghiệm và tài liệu quốc tế, đặc biệt là Các nguyên tắc hướng dẫn của Liên Hiệp Quốc về Kinh doanh và Nhân quyền (*UN Guiding Principles on Business and Human Rights*), do đó vẫn có giá trị tham khảo áp dụng tại các quốc gia khác nếu thấy phù hợp.

Có nhiều loại rủi ro liên quan đến hoạt động đầu tư và kinh Doanh, tuy nhiên do hạn chế về nguồn lực, Hướng dẫn này chỉ tập trung vào các *rủi ro Môi trường và Xã hội* với bốn nội dung bao gồm (i) Đất đai; (ii) Lao động; (iii) Môi trường và (iv) Văn hóa và Dân tộc bản địa.

NGUYÊN TẮC CƠ BẢN XÂY DỰNG HƯỚNG DẪN

Hướng dẫn này được xây dựng dựa trên Các nguyên tắc hướng dẫn của Liên Hiệp Quốc về Kinh doanh và Nhân quyền (*UN Guiding Principles on Business and Human Rights*) với ba nguyên tắc nền tảng là

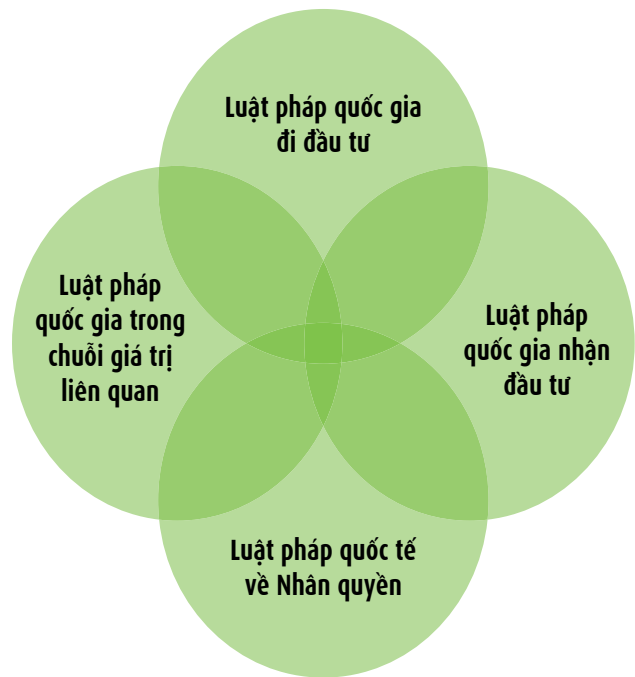
Bảo vệ, Tôn trọng và Khắc phục (Protect, Respect and Remedies). Theo đó, Nhà nước có nghĩa vụ tôn trọng, bảo vệ và đáp ứng các quyền con người và quyền tự do căn bản. Các Doanh nghiệp kinh doanh có trách nhiệm tuân thủ các quy định của pháp luật và tôn trọng nhân quyền. Các bên liên quan có trách nhiệm áp dụng các biện pháp khắc phục thích hợp và hiệu quả trong trường hợp các quyền này bị vi phạm.

Bảo vệ là gì?

Nhà nước có trách nhiệm bảo vệ và chống lại sự lạm dụng quyền con người trong phạm vi lãnh thổ và/hoặc quyền tài phán của mình bởi các bên thứ ba, bao gồm cả các doanh nghiệp. Điều này đòi hỏi Nhà nước thực hiện các bước thích hợp để ngăn chặn, điều tra, trừng phạt và khắc phục tình trạng lạm dụng thông qua các chính sách, pháp luật, quy định và xét xử hiệu quả. Đây không chỉ là trách nhiệm của Nhà nước đối với công dân của mình theo pháp luật quốc gia mà còn là nghĩa vụ quốc tế của quốc gia thông qua việc ký kết và gia nhập các công ước quốc tế có liên quan.

Không chỉ thế, Nhà nước cần bảo vệ và chống lại sự vi phạm nhân quyền của các doanh nghiệp mà Nhà nước nắm quyền sở hữu hoặc kiểm soát, hoặc nhận được hỗ trợ và dịch vụ đáng kể từ các cơ quan nhà nước như cơ quan tín dụng xuất khẩu và cơ quan bảo hiểm và bảo lãnh đầu tư chính thức, các tổ chức tín dụng bằng cách yêu cầu áp dụng quy trình thẩm tra nhân quyền khi cần thiết.

Từ nguyên tắc Bảo vệ này, có thể mô hình hóa những chính sách mà các Nhà nước cần thực thi để thực hiện trách nhiệm Bảo vệ của mình trong đầu tư nước ngoài như sau:



Tôn trọng được hiểu như thế nào?

Nghĩa vụ tôn trọng của Doanh nghiệp được hiểu là tránh vi phạm quyền của người khác và có trách nhiệm giải quyết những tác động bất lợi về quyền của bên khác mà mình có liên quan.

Điều này đồng nghĩa với việc doanh nghiệp cần tìm kiếm các giải pháp nhằm ngăn ngừa và giảm thiểu các tác động trực tiếp liên quan đến hoạt động của mình hoặc là kết quả của mối quan hệ kinh doanh với các bên khác. Nếu tác động xảy ra thì phải tìm cách giải quyết thỏa đáng.

“Hoạt động” của doanh nghiệp ở đây được hiểu là bao gồm cả hành động và không hành động dẫn đến tác động bất lợi.

“Mối quan hệ kinh doanh” được hiểu là các mối quan hệ với các đối tác kinh doanh, các chủ thể trong chuỗi giá trị, không phân biệt đối tác phi nhà nước hoặc tổ chức nhà nước liên quan trực tiếp đến hoạt động kinh doanh, sản phẩm hoặc dịch vụ của mình.

Ví dụ, một công ty có thể gây tác động bất lợi nếu công ty này từ chối việc cho các công nhân thành lập tổ chức đại diện cho mình/ Công đoàn. Một công ty có thể góp phần gây ảnh hưởng xấu nếu công ty cung cấp tài chính cho dự án xây dựng dẫn đến kéo theo việc cưỡng chế thu hồi đất hoặc đưa ra yêu cầu với một nhà thầu mà thời gian không đủ để họ có thể

tuân thủ các tiêu chuẩn lao động quốc tế khi thực hiện. Hoạt động, sản phẩm hoặc dịch vụ của một công ty có thể trực tiếp dẫn đến những tác động bất lợi thông qua các mối quan hệ kinh doanh nếu một trong số các nhà thầu phụ hoặc nhà cung cấp dịch vụ thiếu hiểu biết và không được cung cấp trước đây đủ kiến thức, sử dụng lao động cưỡng bức. Ví dụ cuối cùng là một công ty dù không gây ra hoặc góp phần vào những vấn đề này, nhưng đã nhận thức được vấn đề nhưng không có hành động để ngăn ngừa và/hoặc giảm thiểu các tác động.

Lưu ý rằng trách nhiệm của doanh nghiệp độc lập với khả năng và mức độ sẵn sàng của Nhà nước trong việc thực thi nghĩa vụ nhân quyền của mình. Đặc biệt đối với những quốc gia mà hệ thống luật pháp thiếu và hiệu quả thực thi kém, trách nhiệm của Doanh nghiệp vượt quá và cao hơn việc tuân thủ các quy định và pháp luật quốc gia về bảo vệ nhân quyền.

Các quyền con người phải được tôn trọng ở đây là các quyền con người được quốc tế công nhận, được hiểu, ở mức độ tối thiểu, là những nội dung của Bộ luật quốc tế về nhân quyền và các nguyên tắc liên quan đến quyền cơ bản nêu trong Tuyên bố của Tổ chức Lao động quốc tế về các nguyên tắc cơ bản và quyền tại nơi làm việc.

Tuy nhiên, phụ thuộc vào điều kiện cụ thể, doanh nghiệp cần cân nhắc các tiêu chuẩn bổ sung khác, đặc biệt là quyền của những cá nhân thuộc các nhóm đặc thù như người bản địa, phụ nữ, dân tộc và nhóm thiểu số, tôn giáo và ngôn ngữ, trẻ em, người khuyết tật, và lao động nhập cư và gia đình họ.

(Xem thêm Phụ lục 2 về các công ước nhân quyền và lao động quốc tế kèm theo).

Trách nhiệm tôn trọng được áp dụng với tất cả các doanh nghiệp bao gồm cả những công ty đa quốc gia, mà không có sự phân biệt quy mô, lĩnh vực, khu vực, quyền sở hữu và cơ cấu tổ chức.

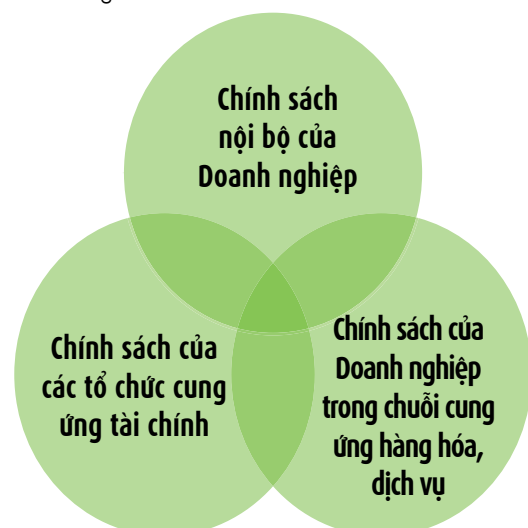
Mặc dù các công ty lớn sẽ có phạm vi và mạng lưới đối tác rộng lớn hơn, có nghĩa là khả năng tác động có thể lớn hơn. Tuy nhiên, điều đó không đồng nghĩa với việc các công ty nhỏ và vừa sẽ có mức độ tác động thấp hơn bởi quy mô nhỏ hơn. Mức độ nghiêm trọng của tác động được đánh giá không chỉ thông qua quy mô, phạm vi mà còn ở yếu tố không thể khắc phục hay phục hồi của đối tượng chịu tác động. Ví dụ, một dự án nhỏ nhưng được thực hiện ở khu vực

nhạy cảm về đa dạng sinh học, là nơi sinh sống của một loài đặc hữu nguy cấp thì mức độ tác động là lớn và nghiêm trọng bởi tính chất không thể phục hồi hay đảo ngược của các tác động bất lợi.

Đối với công ty lớn, khả năng các thông tin liên quan đến dự án và tác động không được chuyển tải đầy đủ đến những người có quyền quyết định hay chịu trách nhiệm. Do đó, các công ty lớn thường xây dựng các bộ máy quản lý rủi ro và quy trình giám sát chặt chẽ hơn so với các công ty nhỏ. Tuy nhiên, các công ty nhỏ và vừa lại có lợi thế quản lý dự án và tác động một cách trực tiếp thông qua những cơ chế và bộ máy không chính thức, đơn giản và tinh gọn hơn. Do đó, trách nhiệm tôn trọng áp dụng đầy đủ và bình đẳng cho tất cả các doanh nghiệp kinh doanh.

Tùy thuộc vào quy mô và hoàn cảnh mà doanh nghiệp thực hiện trách nhiệm tôn trọng của mình thông qua:

- Các chính sách nội bộ nhằm thể hiện cam kết về trách nhiệm tôn trọng của doanh nghiệp;
- Các quy trình thẩm tra để xác định, ngăn ngừa, giảm thiểu và giải trình về việc giải quyết các tác động xảy ra;
- Các quy trình cho phép áp dụng các biện pháp khắc phục đối với bất kỳ tác động bất lợi nào mà doanh nghiệp gây ra hoặc có đóng góp vào hậu quả.
- Từ nguyên tắc Tôn trọng này, có thể mô hình hóa những chính sách mà Doanh nghiệp cần thực thi để thực hiện trách nhiệm của mình trong đầu tư nước ngoài như hình bên.



Khắc phục là gì?

Khắc phục được hiểu là cả các biện pháp và quy trình thực hiện các biện pháp này nhằm khắc phục những tác động bất lợi và hậu quả có khả năng xảy ra nếu chúng có thể đảo ngược, hoặc cải thiện tốt hơn. Những biện pháp này có thể thể hiện dưới nhiều hình thức như xin lỗi, bồi hoàn, phục hồi, các biện pháp bồi thường tài chính và phi tài chính, và các chế tài trừng phạt (có thể hình sự hoặc hành chính, như phạt tiền), cũng như ngăn ngừa những bất lợi thông qua lệnh cấm hoặc cam kết không lặp lại những hành vi nhất định.

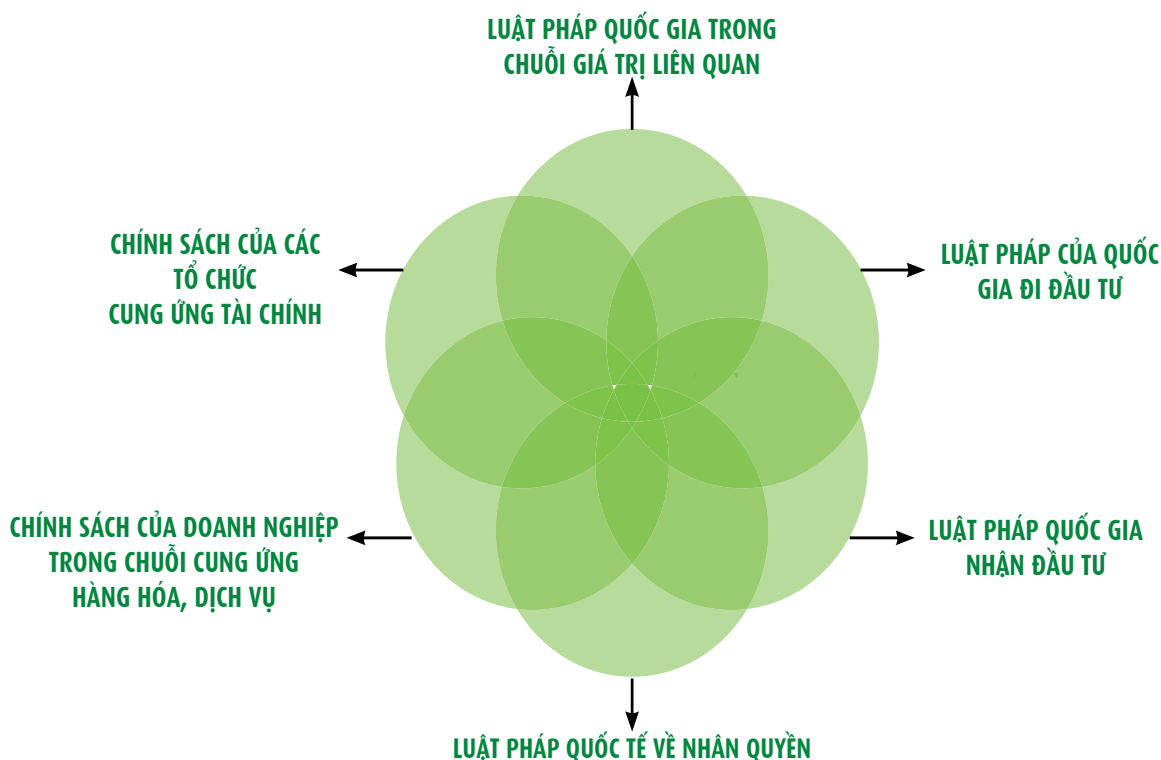
Trường hợp doanh nghiệp xác định rằng mình đã gây ra hoặc góp phần tác động bất lợi, thì nên cung cấp thông tin hoặc hợp tác khắc phục hậu quả thông qua các quá trình hợp pháp. Các quá trình này có thể là cơ chế tư pháp/ tổ tụng của Nhà nước, cơ chế ngoài tổ tụng của Nhà nước hoặc cơ chế quốc tế của Liên hợp quốc và các cơ chế giải quyết tranh chấp ngoài Nhà nước khác.

(Xem thêm Một số cơ chế giải quyết tranh chấp tại Phụ lục 1)

Tóm lại:

Thông qua ba nguyên tắc Bảo vệ, Tôn trọng và Khắc

phục, trách nhiệm doanh nghiệp sẽ bị điều chỉnh bởi các chính sách và pháp luật được mô hình hóa như sau:



Có thể thấy, rủi ro đến từ việc Doanh nghiệp vi phạm các trách nhiệm phát sinh theo luật pháp và chính sách nêu trên. Trong số sáu loại trách nhiệm phát sinh liên quan đến hoạt động đầu tư và kinh doanh của Doanh nghiệp, các Doanh nghiệp Việt Nam mới chỉ tập trung đến hai loại trách nhiệm là luật pháp quốc gia đi đầu tư hay Luật pháp Việt Nam và luật pháp quốc gia nhận đầu tư mà chưa quan tâm nhiều đến các loại trách nhiệm phát sinh từ luật pháp quốc tế và các chính sách, pháp luật có liên quan khác. Trong bối cảnh hội nhập và toàn cầu hóa với sự gia tăng và phát triển của các mối quan hệ và hợp tác quốc tế, các Doanh nghiệp Việt Nam cần quan tâm

và đánh giá đúng đắn hơn các trách nhiệm mang tính quốc tế hoặc theo thông lệ quốc tế hiện đang được áp dụng trên thế giới. Điều này đặc biệt quan trọng đối với các Doanh nghiệp Việt Nam đầu tư ra nước ngoài, khi những yêu cầu về đầu tư có trách nhiệm cao hơn, tính minh bạch và trách nhiệm giải trình lớn hơn so với hoạt động đầu tư trong nước.

Việc doanh nghiệp nhận thức đầy đủ được những trách nhiệm liên quan đến hoạt động đầu tư và kinh doanh sẽ giúp giảm thiểu những rủi ro tương ứng phát sinh từ việc vi phạm các trách nhiệm này. Việc nhận thức đầy đủ rủi ro sẽ giúp Doanh nghiệp xây

dựng cho mình chính sách nội bộ cũng như các cơ chế, quy trình riêng để giảm thiểu rủi ro trong quá trình hội nhập quốc tế.

HƯỚNG DẪN SỬ DỤNG

Hướng dẫn này được xây dựng dựa trên sự tham khảo các hướng dẫn quốc tế cũng như kinh nghiệm và bài học thực tế của các Doanh nghiệp Việt Nam đầu tư vào lĩnh vực nông nghiệp tại các Quốc gia láng giềng.

Hướng dẫn tự nguyện là tài liệu tham khảo và công cụ hỗ trợ cho các nhà đầu tư Việt Nam khi thực hiện ĐTRNN trong lĩnh vực nông nghiệp, đặc biệt tại Tiểu vùng Mê Kông.

Hướng dẫn tự nguyện là tài liệu bổ sung, không thay thế cho những quy định pháp lý hay chính sách của bất kỳ bên nào như pháp luật của các quốc gia nhận đầu tư, chính sách của ngân hàng, nhà tài trợ hay khách hàng của các nhà đầu tư.

NGUYÊN TẮC ÁP DỤNG

Hướng dẫn tự nguyện này đề cập đến nhiều nội dung đa dạng liên quan đến đầu tư từ các quy định pháp lý về trình tự, thủ tục đến các mối quan hệ giữa nhà đầu tư với cộng đồng dân cư, với người lao động hay các vấn đề về môi trường. Do đó, để đảm bảo hài hòa giữa mục tiêu kinh tế qua đầu tư phát triển và các vấn đề môi trường, xã hội hay đảm bảo phát triển bền vững, những nguyên tắc sau được khuyến nghị nhằm xây dựng giá trị chung làm nền tảng hợp tác giữa các bên liên quan đến dự án đầu tư:

Công khai thông tin: Thông tin liên quan đến dự án đầu tư cần được cung cấp đầy đủ, kịp thời và dễ dàng tiếp cận cho các bên có liên quan.

Trách nhiệm giải trình: Phải công khai, giải thích và làm rõ các thông tin trong hoạt động của mình trước các bên liên quan một cách thường xuyên hoặc/và khi có yêu cầu. Đồng thời phải chịu trách nhiệm khi để xảy ra hậu quả.

Tinh thần xây dựng: Tìm các phương án giải quyết những vấn đề, tồn tại trên cơ sở hướng tới lợi ích chung cho các bên liên quan.

Tự nguyện: Quyết định xuất phát từ nhận thức về lợi ích của bản thân, gia đình và cộng đồng, không cưỡng ép hay có sự thao túng từ bên ngoài, hay hành động đe dọa, trả thù.

Dân chủ: Sự tự do bày tỏ quan điểm và mọi ý kiến, quan điểm cần được lắng nghe, ghi nhận và cân nhắc công bằng giữa các bên liên quan nhằm đảm bảo quyền lợi của họ.

Tôn trọng: Coi trọng các quy định, phong tục, tập quán, văn hóa tại địa phương cũng như quan điểm của các bên liên quan về một vấn đề.

Chân thành: Mọi hoạt động thực hiện thực sự vì mục tiêu và lợi ích chung cho các bên liên quan.

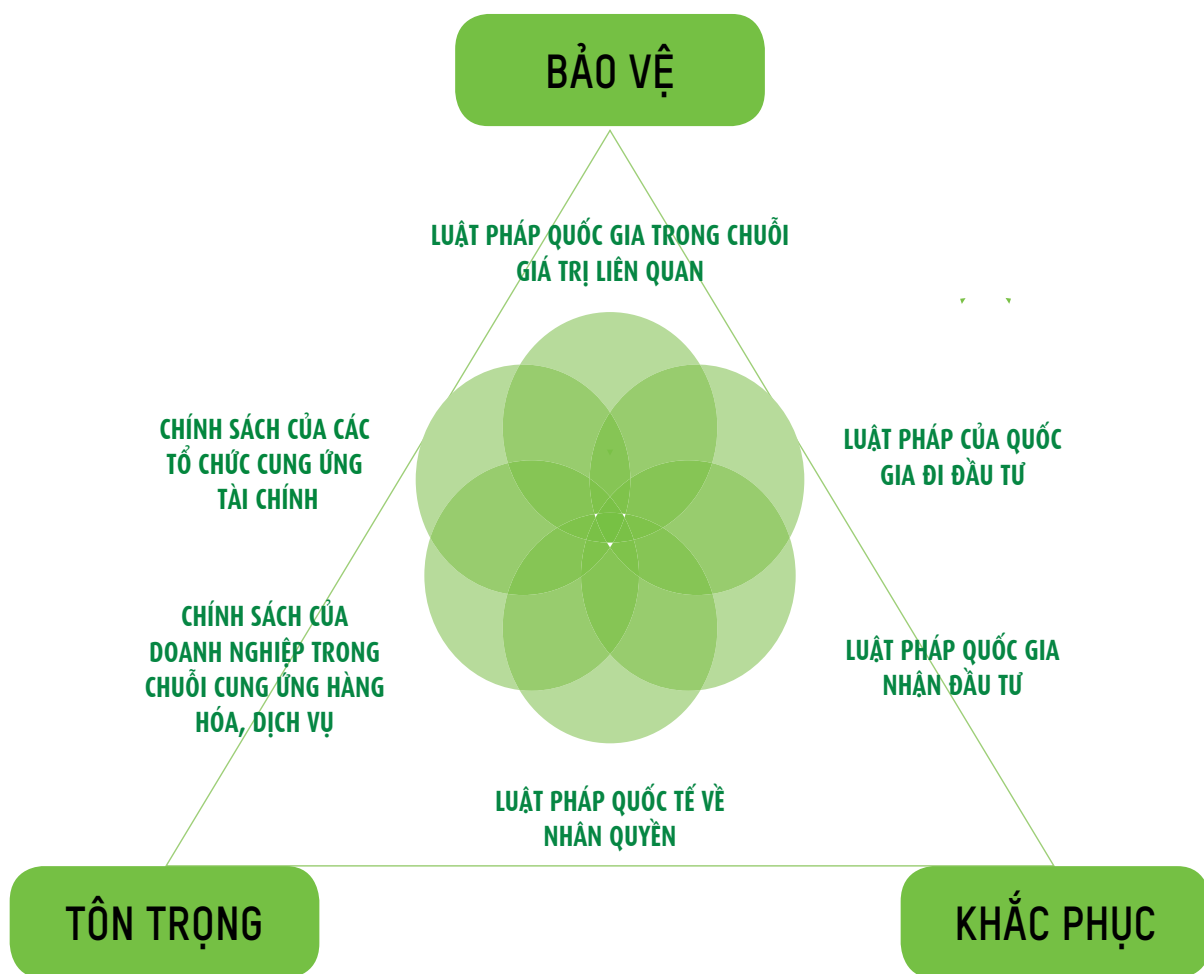
Thân thiện: cởi mở, quan tâm và chia sẻ thông qua các ứng xử, giao tiếp hàng ngày.

Phù hợp: các hoạt động cần phải được tiến hành một cách phù hợp về thời gian, không gian, nội dung, ngôn ngữ và hình thức.

Tuân thủ: Tôn trọng và nghiêm túc chấp hành các quy định của pháp luật cũng như các thỏa thuận đã cam kết.

TÓM TẮT VỀ NỘI DUNG VÀ NGUYÊN TẮC THIẾT KẾ

Nội dung Hướng dẫn xây dựng trên ba nguyên tắc nền tảng là **Bảo vệ**, **Tôn trọng** và **Khắc phục** (*Protect, Respect and Remedies*) của Các nguyên tắc hướng dẫn của Liên Hiệp Quốc về Kinh doanh và Nhân quyền (*UN Guiding Principles on Business and Human Rights*). Các rủi ro cho hoạt động đầu tư và kinh doanh trong lĩnh vực nông nghiệp của các Doanh nghiệp Việt Nam khi đầu tư ra nước ngoài có thể xảy ra từ việc vi phạm một hoặc một số trong sáu trách nhiệm phát sinh từ quá trình thực hiện ba nguyên tắc cốt lõi nêu trên. Cụ thể được mô hình hóa theo hình sau:



Có nhiều loại rủi ro liên quan đến hoạt động đầu tư và kinh doanh tuy nhiên do hạn chế về các nguồn lực, Nhóm tác giả xây dựng Hướng dẫn này chỉ tập trung vào các *rủi ro Môi trường và Xã hội* với bốn vấn đề cơ bản bao gồm (i) Đất đai; (ii) Lao động; (iii) Môi trường và (iv) Văn hóa và Dân tộc bản địa.

Nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho các Doanh nghiệp trong quá trình tra cứu, bốn vấn đề nêu trên được nêu theo từng giai đoạn của một dự án đầu tư. Để đơn giản hóa, quy trình đầu tư dự án trong Hướng dẫn này được phân chia thành ba bước căn bản là (i) Chuẩn bị đầu tư, (ii) Thực hiện đầu tư và (iii) Kết thúc đầu tư. Bảng sau mô tả khung thiết kế của hướng dẫn theo các bước đầu tư và các vấn đề liên quan.

Các vấn đề	Giai đoạn thực hiện dự án		
	Chuẩn bị đầu tư	Thực hiện đầu tư	Kết thúc đầu tư
Đất đai			
Lao động			
Môi trường			
Văn hóa/ Dân tộc bản địa			

Mỗi giai đoạn thực hiện dự án đầu tư được phân thành một Chương, trong đó bốn vấn đề liên quan được đề cập thông qua các nội dung đề xuất cụ

thể. Bảng sau mô tả thiết kế của nội dung Hướng dẫn theo từng chương/ giai đoạn thực hiện dự án:

Giai đoạn thực hiện dự án				
STT	Loại rủi ro	Đề xuất	Biện pháp thực hiện	Tài liệu tham khảo
	Nội dung 1			

GIỚI THIỆU NHÓM DOANH NGHIỆP TIỀN PHONG

Nhóm Doanh nghiệp Tiên phong được thành lập trên cơ sở trao đổi giữa nhóm nghiên cứu của Trung tâm Con người và Thiên nhiên, Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam và Tổ chức Oxfam tại Việt Nam với các Doanh nghiệp trong quá trình nghiên cứu thực địa về đầu tư ra nước ngoài trong lĩnh vực nông nghiệp của các Doanh nghiệp Việt Nam tại Campuchia và Lào. Nhóm bao gồm tám thành viên đến từ sáu Doanh nghiệp và hai hiệp hội nghề nghiệp, hoạt động trên tinh thần tự nguyện với mục tiêu chia sẻ kinh nghiệm thực tiễn của mình nhằm đóng góp cho sự phát triển của cộng đồng Doanh nghiệp Việt Nam nói riêng, sự phát triển bền vững, hình ảnh và uy tín nhà đầu tư Việt Nam trong khu vực nói chung.

Nhóm Doanh nghiệp Tiên phong bao gồm các đại diện của:

- Công ty GEMADEPT
- Hiệp hội Cao su Việt Nam
- Hội phát triển hợp tác kinh tế Việt Nam – Lào – Campuchia
- Công ty cổ phần nông nghiệp quốc tế Hoàng Anh Gia Lai
- Công ty TNHH MTV Hợp tác kinh tế 385
- Công ty TNHH MTV Hữu nghị Nam Lào
- Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam
- Công ty cổ phần tổng công ty Tín Nghĩa

Thông tin cụ thể về Nhóm doanh nghiệp Tiên phong nói trên được mô tả ở Phụ lục 4.



Ảnh “Vườn cao su Đồng Nai”: Đỗ Minh Tuấn,
Công ty TNHH MTV Tổng Công ty Cao su Đồng Nai

PHẦN NỘI DUNG

CHƯƠNG I: CHUẨN BỊ ĐẦU TƯ

STT	Loại rủi ro	Đề xuất giải pháp chính	Biện pháp thực hiện cụ thể	Tài liệu tham khảo
1.	Xây dựng Kế hoạch đầu tư			
1.1	Pháp luật Việt Nam			
1.1.1	Đất đai, Môi trường, Lao động	Tìm hiểu quy định pháp luật Việt Nam liên quan đến vấn đề môi trường - xã hội khi đầu tư ra nước ngoài	Mặc dù, các quy định hiện hành của pháp luật Việt Nam chưa đề cập đến vấn đề trách nhiệm môi trường - xã hội của dự án đầu tư ra nước ngoài, ngoại trừ: (1) yêu cầu tuân thủ pháp luật nước nhận đầu tư; và (2) quy định về các loại tài liệu liên quan đến đất đai cần xuất trình với phía Việt Nam nhằm xác nhận địa điểm thực hiện dự án đầu tư nông nghiệp. Tuy nhiên, theo xu thế phát triển nhằm giảm thiểu những rủi ro môi trường - xã hội, các chính sách và pháp luật sẽ có sự điều chỉnh trong thời gian tới. Một trong những điều chỉnh này là chính sách của Ngân hàng Nhà nước tại Chỉ thị 03/CT-NHNN năm 2015 về thúc đẩy tăng trưởng tín dụng xanh và quản lý rủi ro môi trường và xã hội trong hoạt động cấp tín dụng do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam ban hành.	Xem thêm Phụ lục 2: Danh mục các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan
1.1.2		Tham vấn các bên liên quan	Tham vấn thông tin về đầu tư ra nước ngoài và xu hướng xây dựng chính sách về đầu tư ra nước ngoài tại các kênh thông tin chính thức như: - Cục đầu tư nước ngoài, Bộ Kế hoạch và Đầu tư; - Trung tâm Xúc tiến Đầu tư của Bộ Kế hoạch và Đầu tư; - Các Hiệp hội Doanh nghiệp liên quan như Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam (VCCI), Hội Phát triển Hợp tác Kinh tế Việt Nam - Lào - Campuchia (VILACAED), Hiệp hội Ngân hàng Việt Nam (VNBA); - Ngân hàng Nhà nước Việt Nam và các Ngân hàng Thương mại Việt Nam; - Đại sứ quán và đại diện Tham tán Thương mại Việt Nam tại nước tiếp nhận đầu tư; - Hiệp hội các Doanh nghiệp đầu tư Việt Nam ở nước tiếp nhận đầu tư.	Xem thêm Phụ lục 4: Các địa chỉ hữu ích
1.2	Pháp luật nước tiếp nhận đầu tư			
		Tìm hiểu quy định pháp luật nước sở tại liên quan đến vấn đề môi trường - xã hội áp dụng đối với đầu tư nước ngoài	Xác định các vấn đề môi trường và xã hội có thể phát sinh liên quan đến dự án để xác định những quy định và chính sách liên quan cần rà soát. Các nội dung cần xem xét bao gồm nhưng không giới hạn các vấn đề sau:	Tham khảo Checklist về Các xem xét về xã hội và môi trường của JICA

STT	Loại rủi ro	Đề xuất giải pháp chính	Biện pháp thực hiện cụ thể	Tài liệu tham khảo
1.2.1	Đất đai	Tính nhạy cảm của địa điểm thực hiện dự án	Vị trí thực hiện dự án có thuộc hoặc gần một hoặc một số khu vực đặc biệt như sau: - Vườn quốc gia, khu bảo tồn hoặc khu vực bảo vệ theo quy định của Chính phủ (bờ biển, đất ngập nước, khu vực dành riêng cho người dân tộc bản địa hoặc, di sản văn hóa); - Rừng nguyên sinh, rừng tự nhiên nhiệt đới; - Môi trường sống hoặc khu sinh thái quan trọng (rạn san hô, đầm lầy ngập mặn, bãi triều...); - Môi trường sống của các loài đang bị đe dọa mà bảo vệ được yêu cầu theo luật địa phương và / hoặc các điều ước quốc tế; - Các khu vực có nguy cơ gia tăng xâm nhập mặn hoặc xói mòn đất ở quy mô lớn; - Khu vực sa mạc hóa đáng kể; - Những khu vực có giá trị đặc biệt từ một điểm khảo cổ, lịch sử, và / hoặc văn hóa, cảnh quan; - Môi trường sống của các dân tộc thiểu số, người dân bản địa, hoặc những người du mục với một lối sống truyền thống, hoặc các khu vực có giá trị xã hội đặc biệt.	Tham khảo Checklist về Các xem xét về xã hội và môi trường của JICA
		Hạn mức đất đai được cấp cho nhà đầu tư nước ngoài	Tìm hiểu quy định về hạn mức đất đai tối đa được cấp cho Nhà đầu tư nước ngoài (nếu có) và so sánh với diện tích dự kiến thực hiện dự án.	Ví dụ 11: Hạn mức giao đất ở Campuchia
		Tái định cư không tự nguyện	Quy mô tái định cư không tự nguyện (số hộ gia đình, số người) nếu thực hiện dự án.	
		Quy mô dự án	Quy mô khai hoang, phát triển đất đai, và / hoặc giải phóng mặt bằng (ha).	
		Khai thác gỗ	Diện tích gỗ phải khai thác để thực hiện dự án (ha) (nếu có).	
		Quyền sở hữu đất đai trên thực tế	Thực tiễn áp dụng quyền sở hữu đất theo luật pháp và theo luật tục tại địa phương.	Tham khảo Ví dụ 7: Rủi ro giữa quyền sử dụng đất theo luật pháp và luật tục
		Cơ chế giải quyết tranh chấp	Cơ chế giải quyết tranh chấp đất đai.	Xem thêm Phụ lục 1 về một số cơ chế giải quyết tranh chấp
1.2.1.2	Môi trường	Đánh giá tác động môi trường	Yêu cầu về đánh giá tác động môi trường (bao gồm cả đánh giá tác động môi trường và xã hội) trước và trong khi thực hiện dự án. Đặc biệt lưu ý đối với những dự án trong hoặc gần các khu vực nhạy cảm nêu trên.	
		Giấy phép và yêu cầu về môi trường khác	Ngoài đánh giá tác động môi trường, cần tìm hiểu quy định về những giấy phép liên quan đến môi trường khác như sử dụng nước ngầm, sử dụng hóa chất, phân bón... khi thực hiện dự án.	Ví dụ 18: Vấn đề môi trường
		Kiểm soát ô nhiễm	Các yêu cầu về kiểm soát ô nhiễm như chất lượng nước, chất thải, ô nhiễm đất, sụt lún (đặc biệt trong trường hợp khai thác lượng lớn nước ngầm), mùi khó chịu... khi thực hiện dự án.	

STT	Loại rủi ro	Đề xuất giải pháp chính	Biện pháp thực hiện cụ thể	Tài liệu tham khảo
1.2.1.3	Lao động	Nguồn lao động	Tìm hiểu nguồn lao động địa phương và khả năng đáp ứng nhu cầu lao động của dự án.	Tham khảo tại các sở Lao động các tỉnh hoặc chính quyền các huyện.
		Hạn mức sử dụng lao động	Quy định của chính phủ nước sở tại về hạn mức sử dụng lao động nước ngoài (nếu có).	Ví dụ 5: Hạn mức sử dụng lao động nước ngoài tại Lào
		Chất lượng nguồn lao động	Tập quán lao động của cộng đồng so với yêu cầu lao động của dự án.	Ví dụ 12: “Khủng hoảng” nguồn lao động
		Yếu tố giới	Tìm hiểu các yếu tố đặc thù về giới (vai trò, vị trí và quan hệ xã hội giữa nam và nữ) trong nhu cầu sử dụng lao động, đặc biệt các công việc yêu cầu số lượng lớn lao động nữ.	
1.2.1.4	Văn hóa/ Dân tộc bản địa	Dân tộc bản địa/ Dân tộc thiểu số	Tìm hiểu các nhóm dân tộc bản địa nào sinh sống ở khu vực thực hiện dự án? Những nét chính về văn hóa, phong tục, tập quán và cơ chế pháp lý đặc thù/ ưu tiên áp dụng cho các nhóm (nếu có).	Ví dụ 8: Xung đột văn hóa
		Đất đai cộng đồng theo luật tục	Tìm hiểu thực hành trên thực tế và quy định theo luật tục của cộng đồng trong sử dụng đất đai, tài nguyên; bao gồm cả đất của cộng đồng như rừng thiêng, rừng ma, mồ nước...	Ví dụ 7: Rủi ro giữa quyền sử dụng đất theo luật pháp và luật tục
		Khả năng chuyển đổi phương thức sản xuất	Trình độ lao động, tập quán sản xuất của cộng đồng và khả năng học hỏi những kỹ năng mới để chuyển đổi nghề nghiệp của người dân khi đất đai bị thu hồi, chuyển đổi.	Ví dụ 12: “Khủng hoảng” nguồn lao động
		Sinh kế cộng đồng	Đánh giá sự phụ thuộc của sinh kế của cộng đồng vào khu vực thực hiện dự án như khai thác lâm sản ngoài gỗ, nông nghiệp luân canh luân cư trong diện tích dự án...	
1.2.2		Phương pháp thực hiện có sự tham gia	Tham vấn rộng rãi các bên liên quan để thu thập thông tin tại các kênh thông tin chính thức và phi chính thức như: - Cổng thông tin đầu tư nước ngoài chính thức của quốc gia tiếp nhận đầu tư như Ủy ban phát triển Campuchia (Council for the Development of Cambodia), Cơ quan xúc tiến đầu tư thuộc Bộ Kế hoạch và Đầu tư Lào (Investment Promotion Department); Bộ Môi trường; Bộ Lao động; - Đại diện Tham tán Thương mại Việt Nam tại nước tiếp nhận đầu tư; - Hiệp hội các Doanh nghiệp đầu tư Việt Nam ở nước tiếp nhận đầu tư; - Khảo sát và tham vấn các cơ quan quản lý và cộng đồng bản địa nơi dự kiến đầu tư; - Tham vấn các tổ chức xã hội/ NGOs/ tổ chức nghiên cứu về thực trạng quản lý và sử dụng đất đai tại quốc gia.	Xem thêm Phụ lục 4: Các địa chỉ hữu ích

STT	Loại rủi ro	Đề xuất giải pháp chính	Biện pháp thực hiện cụ thể	Tài liệu tham khảo
1.3	Pháp luật quốc tế về quyền con người			
1.3.1	Đất đai, Lao động, Môi trường, Văn hóa/ Dân tộc bản địa	Tìm hiểu các công ước quốc tế về quyền con người liên quan đến hoạt động đầu tư, kinh doanh	Xác định các công ước quốc tế về nhân quyền mà Chính phủ Việt Nam và nước tiếp nhận đầu tư đã tham gia và cam kết bảo vệ như quyền lao động, quyền sở hữu đối với đất đai, quyền của người bản địa....	Tham khảo Ví dụ 6: Sản xuất đường ở Cam-pu-chia: một nghiên cứu điển hình về thu hồi đất
			Tìm thông tin về sự tham gia của các quốc gia vào các công ước quốc tế theo chủ đề và theo quốc gia tại website chính thức của Văn phòng Cao Ủy Nhân quyền của Liên hợp Quốc (United Nations High Commissioner for Human Rights - OHCHR).	Xem thêm Phụ lục 2: Danh mục các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan
			Tham vấn các tổ chức xã hội/ NGOs/ tổ chức nghiên cứu/ các tổ chức giám sát hoạt động nhân quyền tại các quốc gia tiếp nhận đầu tư.	
1.4	Chính sách của tổ chức tài chính			
1.4.1	Đất đai, Lao động, Môi trường, Văn hóa/ Dân tộc bản địa	Tìm hiểu các chính sách an toàn của các tổ chức tài chính đầu tư vào dự án	Tìm hiểu các cam kết về môi trường – xã hội công khai trên website của các tổ chức tài chính mà Doanh nghiệp vay hoặc có dự kiến vay vốn và được thể hiện thông qua các chính sách an toàn tương ứng áp dụng đối với khách hàng vay. Các chính sách an toàn này được thể hiện dưới nhiều tên gọi khác nhau như Khung chính sách Môi trường và Xã hội (Environmental and Social Framework - ESF) của Ngân hàng Thế giới, Tuyên bố Chính sách An toàn (Safeguard Policy Statement - SPS) của Ngân hàng phát triển Châu Á, Hướng dẫn xem xét vấn đề môi trường và xã hội (Environmental and Social Considerations) của Cơ quan hợp tác quốc tế Nhật Bản (JICA)...	Tham khảo Ví dụ 6: Sản xuất đường ở Cam-pu-chia: một nghiên cứu điển hình về thu hồi đất
			Chính sách an toàn của các tổ chức tài chính cũng được áp dụng thông qua trường hợp cho vay thông qua các tổ chức tài chính trung gian.	Xem thêm ví dụ Ví dụ 3: Áp dụng Chính sách an toàn thông qua các tổ chức tài chính trung gian
			Các cơ chế giải quyết tranh chấp khi chính sách bị vi phạm.	Xem thêm Ví dụ 4: Cơ chế giải quyết tranh chấp đất đai tại Campuchia
			Doanh nghiệp cần tìm hiểu kỹ các điều khoản và phụ lục Hợp đồng liên quan; xác nhận lại các yêu cầu môi trường – xã hội trực tiếp từ tổ chức tài chính cho vay do các yêu cầu môi trường và xã hội thường được nêu như một điều kiện và/ hoặc điều khoản trong Hợp đồng tín dụng.	

STT	Loại rủi ro	Đề xuất giải pháp chính	Biện pháp thực hiện cụ thể	Tài liệu tham khảo
1.5 Chính sách của Doanh nghiệp trong chuỗi cung ứng hàng hóa, dịch vụ				
1.5.1	Đất đai, Lao động, Môi trường, Văn hóa/ Dân tộc bản địa	Tìm hiểu các chính sách môi trường – xã hội của các Doanh nghiệp trong chuỗi cung ứng hàng hóa, dịch vụ cho dự án ¹	Nhà đầu tư cần tìm hiểu chính sách của các Doanh nghiệp trong chuỗi cung ứng hàng hóa, dịch vụ. Các chính sách này thường được công bố công khai trên các website của các Doanh nghiệp. Bên cạnh các chính sách áp dụng cho hoạt động của chính các doanh nghiệp, các công ty còn xây dựng các chính sách riêng áp dụng đối với các nhà cung ứng hàng hóa, dịch vụ cho mình. Đây là trách nhiệm của doanh nghiệp nhằm ngăn ngừa và giảm thiểu các tác động trực tiếp là kết quả của mối quan hệ kinh doanh² với các bên khác. Các yêu cầu môi trường và xã hội thường được nêu như một điều kiện và/ hoặc điều khoản trong Hợp đồng cung ứng hàng hóa, dịch vụ. Do đó, Doanh nghiệp cần tìm hiểu kỹ các điều khoản và phụ lục Hợp đồng liên quan; xác nhận lại các yêu cầu môi trường – xã hội trực tiếp từ Doanh nghiệp đối tác, khách hàng.	Tham khảo Ví dụ 6: Sản xuất đường ở Cam-pu-chia: một nghiên cứu điển hình về thu hồi đất. Xem thêm Ví dụ 9: Câu chuyện CP Group về giảm rủi ro môi trường – xã hội thông qua chính sách xã hội của Doanh nghiệp (CSR). Xem thêm Phụ lục 1: Một số cơ chế giải quyết tranh chấp.
1.6 Luật pháp và chính sách của quốc gia trong chuỗi giá trị liên quan				
1.6.1	Đất đai, Lao động, Môi trường, Văn hóa/ Dân tộc bản địa	Tìm hiểu các chính sách về môi trường – xã hội quốc gia của các doanh nghiệp nằm trong mối quan hệ kinh doanh	Nhằm thực hiện nghĩa vụ Bảo vệ nhân quyền của quốc gia theo các cam kết quốc tế, một số quốc gia đưa ra hoặc thừa nhận yêu cầu tuân thủ các chuẩn mực về nhân quyền, môi trường, xã hội đối với các doanh nghiệp đăng ký, hoạt động tại quốc gia mình. Phạm vi áp dụng tuân thủ không chỉ đối với các doanh nghiệp đăng ký, hoạt động tại quốc gia đó mà còn có thể áp dụng đối với mạng lưới mối quan hệ kinh doanh của doanh nghiệp. Một số yêu cầu về nghĩa vụ của doanh nghiệp thậm chí vượt ra ngoài phạm vi lãnh thổ, tức là áp dụng đối với hoạt động của các doanh nghiệp đó tại nước ngoài. Các Doanh nghiệp cần tìm hiểu kỹ các cam kết này của các quốc gia dự kiến đầu tư.	Ví dụ 1: Nhân quyền – Dân chủ và Chính sách Everything But Arms (EBA) của Liên minh Châu Âu (EU). Tham khảo Ví dụ 6: Sản xuất đường ở Cam-pu-chia: một nghiên cứu điển hình về thu hồi đất. Ví dụ 2: Hướng dẫn cho các doanh nghiệp đa quốc gia (Guidelines for Multinational Enterprises) của Tổ chức hợp tác và Phát triển Kinh tế.
¹Phạm vi áp dụng tuân thủ không chỉ đối với các doanh nghiệp đăng ký, hoạt động tại quốc gia đó mà còn có thể áp dụng đối với mạng lưới mối quan hệ kinh doanh của doanh nghiệp. Một số yêu cầu về nghĩa vụ của doanh nghiệp thậm chí vượt ra ngoài phạm vi lãnh thổ, tức là áp dụng đối với hoạt động của các doanh nghiệp đó tại nước ngoài. Các Doanh nghiệp cần tìm hiểu kỹ các cam kết này của các quốc gia dự kiến đầu tư. ²“Mối quan hệ kinh doanh” được hiểu là các mối quan hệ với các đối tác kinh doanh, các chủ thể trong chuỗi giá trị, không phân biệt đối tác phi nhà nước hoặc tổ chức nhà nước liên quan trực tiếp đến hoạt động kinh doanh, sản phẩm hoặc dịch vụ của mình.				

STT	Loại rủi ro	Đề xuất giải pháp chính	Biện pháp thực hiện cụ thể	Tài liệu tham khảo
1.7 Chính sách Quản lý rủi ro nội bộ				
1.7.1	Đất đai, Lao động, Môi trường, Văn hóa/ Dân tộc bản địa	Xây dựng chính sách nội bộ về quản lý rủi ro	Rà soát lại chính sách và cơ chế quản lý rủi ro của Doanh nghiệp và khả năng đáp ứng với các nghĩa vụ và trách nhiệm phát sinh từ yêu cầu của luật pháp và chính sách từ mục 1.1 đến 1.6 nêu trên.	
			Cập nhật và bổ sung các chính sách và cơ chế quản lý rủi ro nội bộ hoặc xây dựng chính sách riêng cho các dự án có mức độ rủi ro cao.	Ví dụ 9: Câu chuyện CP Group về giảm rủi ro môi trường – xã hội thông qua chính sách xã hội của Doanh nghiệp (CSR)
2. Đánh giá tác động môi trường và xã hội				
2.1	Môi trường	Lồng ghép khảo sát các thông tin cho báo cáo đánh giá tác động môi trường và xã hội ngay trong quá trình xây dựng báo cáo nghiên cứu khả thi của dự án đầu tư.	- Lồng ghép các tiêu chí hoặc thiết kế khảo sát đa mục tiêu nhằm xác định các thông tin bao gồm: - Hiện trạng môi trường (như thổ nhưỡng, nguồn nước và trữ lượng, khí hậu, khu vực nhạy cảm về đa dạng sinh học như hành lang di chuyển của các loài động vật quý hiếm, vườn quốc gia, khu bảo tồn...); - Mục đích sử dụng đất và quyền sở hữu/ sử dụng đất đai cả trên giấy tờ pháp lý và trên thực địa; Văn hóa, dân tộc và phong tục tập quán, đặc biệt là cộng đồng người bản địa sống tại và quanh khu vực dự kiến đầu tư. - Số lượng và chất lượng nguồn lao động địa phương và tiềm năng chuyển đổi nghề nghiệp hoặc tác phong lao động cũng như hạn mức lao động nước ngoài theo pháp luật nước tiếp nhận đầu tư; - Hiện trạng cơ sở hạ tầng và khả năng đáp ứng nhu cầu sản xuất, kinh doanh của dự án trong tương lai. - Những tác động của dự án ảnh hưởng đến môi trường xã hội, tự nhiên trong quá trình chuẩn bị, triển khai đầu tư và vận hành dự án. - Các giải pháp thực hiện trong tương lai và chi phí dự kiến để dự án đạt được các tiêu chuẩn, quy chuẩn về môi trường.	Tham khảo Ví dụ 7: Rủi ro giữa quyền sử dụng đất theo luật pháp và luật tục. Tham khảo Ví dụ 8: Xung đột văn hóa. Tham khảo Ví dụ 12: “Khủng hoảng” nguồn lao động.
2.2	Môi trường	Áp dụng phương pháp có sự tham gia của các bên liên quan.	Cần tham vấn bên liên quan trong quá trình khảo sát, bao gồm: - Cơ quan quản lý nhà nước, - Cộng đồng bị ảnh hưởng; - Đại diện các tổ chức phi chính phủ hoạt động tại địa phương; - Chuyên gia, cơ quan nghiên cứu (tùy theo lĩnh vực đầu tư).	Tham khảo công cụ Đồng thuận dựa trên nguyên tắc tự nguyện, được thông báo trước và cung cấp thông tin đầy đủ (Free prior and informed consent – FPIC)
			Quá trình thực hiện đánh giá tác động môi trường và xã hội là một quá trình liên tục, do đó, cần thường xuyên trao đổi thông tin giữa hai nhóm thực hiện báo cáo để có đánh giá đầy đủ và chính xác nhất.	
			Có thể lồng ghép tham vấn đánh giá tác động môi trường và tham vấn về bồi thường đất đai và tài sản trên đất.	
	Văn hóa/ Dân tộc bản địa	Sử dụng ngôn ngữ phù hợp với từng đối tượng và có phiên dịch đối với cộng đồng người dân tộc bản địa không nói được tiếng phổ thông (nếu có).		

STT	Loại rủi ro	Đề xuất giải pháp chính	Biện pháp thực hiện cụ thể	Tài liệu tham khảo
3.	Báo cáo tiền khả thi hoặc báo cáo khả thi của dự án đầu tư			
3.1	Đất đai, Lao động, Môi trường và Văn hóa/ Dân tộc bản địa	Đánh giá đầy đủ các yếu tố môi trường – xã hội trong tính toán hiệu quả kinh doanh của dự án.	Các nội dung đánh giá bao gồm nhưng không giới hạn: Chi phí chuẩn bị quỹ đất, bồi thường, tái định cư khi thực hiện dự án như: • (I) Chi phí bồi thường đất đai và tài sản, hoa màu trên đất; • (II) Chi phí tái định cư cho người bị mất nhà, đất cho dự án; • (iii) Chi phí xử lý đối với mất nguồn sinh kế đối với những cộng đồng bị ảnh hưởng sinh kế (bao gồm cả cộng đồng không mất đất, tài sản bởi dự án) như chuyển đổi nghề nghiệp; • (iv) Chi phí thực hiện bồi thường, tái định cư; • (v) Cam kết với Chính phủ, địa phương về các đóng góp liên quan đến cấp đất như cam kết đổi đất lấy hạ tầng, đóng quỹ... (nếu có); • (vi) Chi phí tài chính liên quan đến vốn vay; • (vii) Chi phí rủi ro và cơ hội; Chi phí môi trường – xã hội từ kết quả đánh giá tác động môi trường – xã hội của dự án bao gồm: • (I) Chi phí thực hiện các biện pháp giảm thiểu tác động được đề xuất; • (II) Chi phí rủi ro; • (iii) Chi phí cơ hội trong trường hợp rủi ro hoặc chậm tiến độ thực hiện. Chi phí lao động bao gồm: • (I) Lương, chính sách bảo hiểm, đặc biệt đối với lao động nước ngoài; • (II) Tuyển dụng lao động và đãi ngộ lao động (như nhà ở), đặc biệt đối với các lao động nhập cư do nguồn cung lao động địa phương hạn chế; • (iii) Tập huấn, đào tạo nâng cao kỹ năng; • (iv) Các trách nhiệm về tài chính, về hạch toán kế toán, thuế VAT, thuế Thu nhập, thuế chuyển lợi nhuận ra nước ngoài; • (v) Điều kiện cơ sở hạ tầng và khả năng kết nối của hạ tầng với vùng dự án; • (vi) Giá, chất lượng và khả năng cung ứng các nguồn điện, nước, dịch vụ viễn thông, internet... tại địa điểm thực hiện dự án; • (vii) Tình hình về cung cấp nguyên nhiên liệu. Chỉ Quyết định đầu tư khi có thông tin đầy đủ và đáng tin cậy từ ít nhất hai nguồn là: • Báo cáo tiền khả thi/ báo cáo khả thi; và • Đánh giá ban đầu về các tác động môi trường và xã hội;	
3.2	Quyết định cần được cân nhắc giữa lợi ích và rủi ro, bao gồm không chỉ rủi ro ở cấp độ dự án mà còn rủi ro về uy tín của tổ chức, khả năng huy động vốn, đặc biệt đối với các công ty đại chúng.			Ví dụ 10: Lừa đảo dự án đầu tư nước ngoài

STT	Loại rủi ro	Đề xuất giải pháp chính	Biện pháp thực hiện cụ thể	Tài liệu tham khảo
4.	Giấy phép đầu tư và chấp thuận địa điểm dự án			
4.1	Đất đai, Môi trường, Văn hóa	Rà soát lại các thông tin liên quan đến giấy phép được cấp	Các thông tin cần xem xét bao gồm nhưng không giới hạn: - Thẩm quyền cấp, thường căn cứ vào địa điểm dự án, quy mô diện tích đất, quy mô đầu tư; Hạn mức cấp đất theo thẩm quyền và/ hoặc theo hạn mức tối đa (nếu có); - Tính nhạy cảm của địa điểm thực hiện dự án; - Tính đa dạng về văn hóa như có nhiều cộng đồng dân tộc thiểu số sinh sống tại khu vực; Cam kết tài chính liên quan đến cấp đất như các khoản đóng góp, cam kết hạ tầng... (nếu có).	Ví dụ 11: Hạn mức giao đất ở Campuchia



Ảnh "Nuôi ong trong vườn cao su": Trần Thị Thủy Hoa, Viet Nam Rubber Group



Nguồn ảnh: Cuộc thi ảnh "Đất và Người", Oxfam

CHƯƠNG II: THỰC HIỆN ĐẦU TƯ

STT	Loại rủi ro	Đề xuất giải pháp chính	Biện pháp thực hiện cụ thể	Tài liệu tham khảo
1.	Chuẩn bị quỹ đất			
1.1	Đất đai	Xác định vị trí, ranh giới, quyền sử dụng đất của các bên liên quan và xây dựng hoặc chỉnh sửa bản đồ về khu đất được giao / cấp	Sử dụng công cụ GPS để lập bản đồ và đo đạc và xác định các mốc giới; Đối chiếu và so sánh với thông tin về vị trí, ranh giới đất đai, quyền sở hữu, sử dụng đất được cấp trên giấy tờ và thực địa; Lưu ý đối với các diện tích nằm trong hoặc gần các khu vực nhạy cảm về đa dạng sinh học như vườn quốc gia, khu bảo tồn hay hành lang di chuyển của các loài động vật quý hiếm...	
1.2		Xác định hiện trạng tài sản trên đất	Kiểm kê và xác định hiện trạng tài sản trên đất cùng với việc xác định ranh giới, diện tích và quyền sở hữu/ sử dụng đất. Các tài sản trên đất bao gồm nhưng không giới hạn: - các công trình hạ tầng như nhà cửa, trường học, hệ thống điện... - cây cối, bao gồm cả cây lâu năm và cây hàng năm - các công trình văn hóa, tâm linh như đình chùa, rừng thiêng, rừng ma, nghĩa trang... Lưu ý đối với trường hợp chủ sở hữu đất đai và chủ sở hữu tài sản trên đất là khác nhau. Lưu ý trường hợp hưởng lợi từ các quyền không gắn liền với tài sản như tiếp cận tài nguyên nước, nguồn lợi thủy sản, lâm sản ngoài gỗ như mật ong, nhựa cây, phấn hoa...	
1.3		Thực hiện quy trình thực hiện có sự tham gia của các bên liên quan	Quy trình thực hiện đo đạc có sự tham gia của các bên liên quan, tối thiểu bao gồm các bên sau: - Chủ đất giáp ranh; - Đại diện cộng đồng có đất; - Đại diện cộng đồng giáp ranh hoặc có quyền sử dụng liên quan (như sử dụng bãi chăn thả, canh tác thuê) - Cơ quan quản lý địa phương nơi có đất; - Cơ quan quản lý địa phương giáp ranh (nếu có).	Tham khảo công cụ Đồng thuận dựa trên nguyên tắc tự nguyện, được thông báo trước và cung cấp thông tin đầy đủ (Free prior and informed consent – FPIC)
1.4		Công khai kết quả đo đạc và bản đồ, ranh giới và các chủ sở hữu đất.	Chia sẻ bản sao bản đồ và kết quả xác minh hiện trạng tài sản trên đất đối với: - Chủ sở hữu và sử dụng đất đối với thông tin về đất đai và tài sản của họ; - Đại diện cộng đồng nếu là đất chung của cộng đồng hoặc toàn bộ ranh giới và diện tích nằm trong cộng đồng đó; - Đại diện cộng đồng giáp ranh hoặc có tài sản hoặc quyền sử dụng liên quan; - Đại diện cơ quan quản lý địa phương đối với diện tích đất đai thuộc địa phương họ quản lý - Đại diện cơ quan quản lý địa phương giáp ranh có liên quan;	

STT	Loại rủi ro	Đề xuất giải pháp chính	Biện pháp thực hiện cụ thể	Tài liệu tham khảo
2.	Thu hồi và Bồi thường đất đai và tài sản			
2.1	Đất đai, Văn hóa/ Dân tộc bản địa	Thỏa thuận về mức bồi thường	Điều tra mặt bằng giá thị trường đất đai và tài sản tại khu vực thực hiện dự án, có tham khảo các dự án tương tự;	
			Tổ chức tham vấn đối tượng bị ảnh hưởng để lấy ý kiến thống nhất về giá bồi thường và quy đổi (nếu có) ³ . Thống nhất quy trình, thời gian thực hiện bồi thường;	
			Lập biên bản có xác nhận của các bên tham gia về những thỏa thuận đã đạt được và chưa đạt được trong từng lần tham vấn;	
			Lưu ý về ngôn ngữ sử dụng trong quá trình tham vấn, đàm phán, thỏa thuận. Nếu có cộng đồng người dân tộc thiểu số thì phải có người phiên dịch riêng cho cộng đồng này;	
		Mời bên thứ ba tham dự như cơ quan quản lý hay đại diện NGOs/ CBOs;		
	Mô hình hợp tác Doanh nghiệp – Người dân trong việc thực hiện dự án	Trong trường hợp hợp tác như cộng đồng góp đất đai thì cần làm rõ việc bồi thường hoặc thỏa thuận về việc xử lý tài sản trên đất ngay trong thỏa thuận hợp tác.	Ví dụ 16: Cam kết đổi hạ tầng lấy đất đai	
3.	Giải phóng mặt bằng/ Khai hoang			
3.1	Đất đai, Văn hóa/ Dân tộc bản địa	Thông báo về việc thực hiện giải phóng mặt bằng / khai hoang	Tham vấn về Kế hoạch và thời gian thực hiện giải phóng mặt bằng/ khai hoang cùng với tham vấn về mức bồi thường nêu trên;	
			Thông báo về kế hoạch và thời gian biểu thực hiện giải phóng mặt bằng/ khai hoang theo danh sách các cá nhân và cộng đồng cụ thể theo thời gian biểu tương ứng;	
			Trong trường hợp Chủ đầu tư không thực hiện theo kế hoạch cũng cần thông báo rõ ràng về việc hoãn và kế hoạch dự kiến thay thế; Sử dụng ngôn ngữ phổ thông ở địa phương và tiếng bản địa (nếu có) trong trường hợp có cộng đồng người dân tộc bản địa bị ảnh hưởng;	
			Công khai đầu mối liên lạc với các bên liên quan để giải quyết các vấn đề phát sinh (cả phiên dịch) trong quá trình thực hiện.	
3.2		Lựa chọn thời điểm giải phóng mặt bằng / khai hoang	Cần lưu ý thời điểm thực hiện giải phóng mặt bằng/ khai hoang nhằm giảm thiểu tối đa thiệt hại đối với cộng đồng và môi trường như sau mùa thu hoạch nông lâm sản, mùa sinh sản các loài động thực vật nguy cấp, quý hiếm, thời gian đêm tối...	
3.3		Lựa chọn cách thức thực hiện giải phóng mặt bằng / khai hoang	Thực hiện theo kế hoạch và thời điểm đã được thông báo cho các bên liên quan;	
	Mời những người có đất, tài sản liên quan và giáp ranh đến chứng kiến nếu muốn;			
³ Lưu ý thỏa thuận bồi thường hoặc có giải pháp chia sẻ nguồn lợi phát sinh từ các quyền không gắn liền với tài sản như tiếp cận tài nguyên nước, nguồn lợi thủy sản, lâm sản ngoài gỗ như mật ong, nhựa cây, phấn hoa,... Trong trường hợp quy đổi về tiền bồi thường và cơ sở hạ tầng hoặc các công trình khác cũng cần tham vấn và làm rõ phạm vi, đối tượng, mức độ và thời hạn thực hiện.				

STT	Loại rủi ro	Đề xuất giải pháp chính	Biện pháp thực hiện cụ thể	Tài liệu tham khảo
3.3	Đất đai, Văn hóa/ Dân tộc bản địa	Lựa chọn cách thức thực hiện giải phóng mặt bằng / khai hoang	Lựa chọn phương thức phù hợp với địa điểm và thời gian. Ví dụ, hạn chế việc sử dụng máy móc, cơ giới gần khu vực nhạy cảm về đa dạng sinh học như vườn quốc gia, khu bảo tồn hay hành lang di chuyển của các loài động vật quý hiếm... hay khu vực rừng ma, rừng cấm theo phong tục của cộng đồng bản địa.	
3.4		Xử lý đối với tài sản trên đất do giải phóng mặt bằng	Cần áp dụng đúng quy định của pháp luật nước sở tại; Cho phép người dân bản địa tận thu để tăng thu nhập;	
3.5		Xử lý tranh chấp phát sinh	Duy trì đường dây nóng để phản ánh thông tin với người có thẩm quyền giải quyết; Duy trì thời gian cố định như 1 ngày/ tháng cho việc lắng nghe các khiếu nại, giải đáp thắc mắc đối với cộng đồng tại địa bàn của cộng đồng;	
			Xây dựng nguyên tắc làm việc chung giữa các bên trong quá trình giải quyết tranh chấp và thông báo cụ thể đến cộng đồng về việc giải quyết các tranh chấp, khiếu nại;	Xem thêm Nguyên tắc áp dụng tại Phần mở đầu.
			Sử dụng các cơ chế giải quyết tranh chấp ngoài tố tụng như hòa giải, trọng tài viên để hỗ trợ quá trình giải quyết tranh chấp nếu cần.	Xem thêm Phụ lục 1: Một số cơ chế giải quyết tranh chấp
4. Thủ tục về đất đai				
4.1	Đất đai	Hoàn thiện thủ tục thuê đất, giao đất hoặc cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng/ sở hữu đất đai	Chuẩn bị hồ sơ theo các quy định pháp luật của nước nhận đầu tư;	
			Lập bản đồ xác định ranh giới và diện tích đã thu hồi và bồi thường trên thực tế làm căn cứ ký Hợp đồng thuê đất/ giao đất/ cấp Giấy chứng nhận về đất đai.	
Thực hiện nghĩa vụ tài chính liên quan đến việc giao đất, cấp Giấy chứng nhận đất đai		Chuẩn bị hồ sơ theo quy định pháp luật của nước nhận đầu tư.		
		Xác định các ưu đãi tài chính liên quan đến đất đai được áp dụng như các Hiệp định thương mại song phương, ưu đãi đầu tư tại địa bàn ưu tiên, lĩnh vực ưu tiên...		
		Lựa chọn và cam kết các nghĩa vụ tài chính theo năng lực thực tế bao gồm trả tiền thuê một lần hoặc hàng năm (nếu có) và các cam kết, đóng góp liên quan đến diện tích đất thuê.	Ví dụ 16: Cam kết đổi hạ tầng lấy đất đai	
		5. Thủ tục về môi trường		
5.1	Môi trường	Hoàn thành thủ tục phê duyệt báo cáo tác động môi trường	Chuẩn bị hồ sơ phê duyệt báo cáo Đánh giá tác động môi trường theo quy định của nước nhận đầu tư (Quyết định phê duyệt báo cáo Đánh giá tác động môi trường có thể là căn cứ để phê duyệt dự án hoặc ký kết hợp đồng thuê đất tại một số quốc gia).	

STT	Loại rủi ro	Đề xuất giải pháp chính	Biện pháp thực hiện cụ thể	Tài liệu tham khảo
5.2	Môi trường	Thông báo cho các bên liên quan về báo cáo đánh giá tác động môi trường được duyệt	Công khai báo cáo Đánh giá tác động môi trường được phê duyệt tại trụ sở công ty.	
			Thông báo cho các bên liên quan về những tác động và các biện pháp giảm thiểu tác động được duyệt trong báo cáo.	
			Công bố công khai ngân sách/ chi phí thực hiện các biện pháp giảm thiểu tác động môi trường.	
			Xây dựng phương án phối hợp với các bên liên quan, đặc biệt cộng đồng và chính quyền địa phương trong việc thực thi và giám sát thực hiện các biện pháp giảm thiểu tác động môi trường của dự án.	Ví dụ 19: Biện hạn chế thành ưu thế đầu tư
6. Xây dựng các công trình				
6.1	Môi trường	Hoàn thiện các hồ sơ thủ tục liên quan đến xây dựng	Nội dung hồ sơ liên quan đến xây dựng công trình bao gồm nhưng không giới hạn các vấn đề sau: • Quy hoạch, thiết kế xây dựng trình xin phê duyệt; • Giấy phép xây dựng; • Thỏa thuận về việc cung ứng các dịch vụ đáp ứng nhu cầu điện, cấp nước, thoát nước, internet và đấu nối vào các cơ sở hạ tầng khác; • Phòng cháy chữa cháy...	
6.2		Áp dụng các biện pháp giảm thiểu tác động môi trường – xã hội từ hoạt động xây dựng công trình	Thực hiện các biện pháp giảm thiểu tác động môi trường liên quan đến hoạt động xây dựng như bụi, tiếng ồn, rác thải... đặc biệt thực thi tối thiểu các biện pháp đã được phê duyệt / yêu cầu trong báo cáo Đánh giá tác động môi trường.	Ví dụ 18: Vấn đề môi trường
			Đào tạo, tập huấn nâng cao năng lực cho các lao động nhập cư đến vùng dự án liên quan đến văn hóa, phong tục, các biện pháp giảm thiểu tác động môi trường và các cam kết với cộng đồng liên quan.	
6.3		Hoạt động thi công xây dựng	Lựa chọn đơn vị thi công có năng lực và có trách nhiệm	
			Lên phương án giám sát thi công hiệu quả và nghiệm thu công trình. Huy động sự tham gia của cộng đồng trong hoạt động giám sát, đặc biệt trong trường hợp thuê các nhà thầu phụ.	Ví dụ 15: Thầu khoán lao động
6.4		Máy móc thiết bị	Tìm hiểu kỹ các thủ tục nhập khẩu máy móc thiết bị, đặc biệt là các quy định về nhập khẩu máy móc, thiết bị đã qua sử dụng.	
	Lắp đặt, chạy thử, nghiệm thu (lưu ý một số trường hợp cần xác nhận nghiệm thu đạt các tiêu chuẩn môi trường trước khi vận hành chính thức).			

STT	Loại rủi ro	Đề xuất giải pháp chính	Biện pháp thực hiện cụ thể	Tài liệu tham khảo
7.	Vận hành dự án			
7.1	Vấn đề lao động			
7.1.1		Xây dựng Kế hoạch sử dụng lao động địa phương	Dựa trên kết quả điều tra hiện trạng số lượng và chất lượng lao động khi lập báo cáo khả thi và tiến độ thực hiện dự án để xác định nhu cầu lao động và địa bàn tiềm năng thu hút lực lượng lao động, kế hoạch đào tạo, tuyển dụng, đặc biệt là lao động có kỹ thuật;	Ví dụ 5: Hạn mức sử dụng lao động nước ngoài tại Lào
			Xây dựng cơ chế tuyển dụng, xác định rõ đối tượng ưu tiên, chế độ đãi ngộ cụ thể và cách tính, định hướng phát triển nghề nghiệp;	
			Phối hợp với bên thứ ba như Sở Lao động/ Trung tâm Dạy nghề hoặc tự tổ chức và Xây dựng chương trình tập huấn và đào tạo lao động phù hợp;	Ví dụ 12: “Khủng hoảng” nguồn lao động
			Các thỏa thuận hợp đồng, nội quy hay thông báo cần sử dụng ngôn ngữ phổ thông tại nước sở tại và có dịch ra tiếng bản địa trong trường hợp người lao động là người dân tộc bản địa không biết tiếng phổ thông (nếu có);	Ví dụ 13: Tổ lao động năng suất
7.1.2	Lao động	Kế hoạch sử dụng người lao động nước ngoài	Tuân thủ quy định pháp luật nước sở tại về lao động người ngoài (hạn mức, giấy phép, đăng ký và quản lý);	Ví dụ 5: Hạn mức sử dụng lao động nước ngoài tại Lào
			Lưu ý trong việc lựa chọn chế độ bảo hiểm cho lực lượng lao động nước ngoài và phương án xử lý đối với trường hợp kết thúc Hợp đồng lao động và hết tuổi lao động về nước.	Ví dụ 20: Bảo hiểm xã hội cho người lao động Việt Nam về nước.
			Xây dựng chiến lược/ khung các vị trí cần lao động nước ngoài và kế hoạch thay thế các vị trí bằng lao động bản địa;	
			Phát triển các Chương trình đào tạo, tập huấn và chuyển giao công nghệ giữa người lao động nước ngoài và người lao động bản địa. Khuyến khích các chương trình đào tạo, giao tiếp được thực hiện bằng ngôn ngữ bản địa.	
			Lồng ghép thông tin về văn phong tục, tập quán và văn hóa của quốc gia sở tại, đặc biệt là những điều cấm kỵ đối với cộng đồng bản địa nơi thực hiện dự án trong phần định hướng nhân viên mới là người lao động nước ngoài.	Ví dụ 8: Xung đột văn hóa
7.1.3		Xây dựng quy trình tuyển dụng lao động minh bạch và công khai	Công bố công khai và minh bạch các thông tin tuyển dụng như vị trí công việc, bản mô tả công việc, thời gian lao động, chế độ đãi ngộ... Đồng thời công khai kết quả tuyển dụng.	Ví dụ 15: Thầu khoán lao động
			Công khai số lượng lao động địa phương và lao động nước ngoài sử dụng tại đơn vị, đặc biệt là số lượng lao động địa phương tạo việc làm theo cam kết khi thực hiện đầu tư (nếu có).	Ví dụ 5: Hạn mức sử dụng lao động nước ngoài tại Lào

STT	Loại rủi ro	Đề xuất giải pháp chính	Biện pháp thực hiện cụ thể	Tài liệu tham khảo
7.1.3		Xây dựng quy trình tuyển dụng lao động minh bạch và công khai	Xây dựng các điều kiện và tiêu chuẩn lao động áp dụng đối với đơn vị cung cấp lao động như thầu khoán.	
			Xây dựng cơ chế phản hồi đối với các vi phạm liên quan đến chế độ sử dụng lao động, đặc biệt qua thầu khoán.	
7.1.4	Lao động	Đảm bảo điều kiện lao động	Tuân thủ các quy định pháp luật tại quốc gia đầu tư về điều kiện lao động phù hợp với loại hình đầu tư, kinh doanh;	
			Trang bị và tập huấn sử dụng công cụ, phương tiện lao động và bảo hộ lao động;	Ví dụ 18: Vấn đề môi trường
			Tập huấn sơ cứu đối với các loại tai nạn lao động phổ biến;	
			Tổ chức khám sức khỏe định kỳ hàng năm cho người lao động;	
			Trang bị hộp cứu thương tại khu vực làm việc hoặc tạm trú của công nhân và duy trì trạm y tế chăm sóc sức khỏe cho người lao động;	
7.1.5		Xây dựng Văn hóa công ty	Tạo dựng văn hóa công ty, gắn kết người lao động thông qua những hoạt động như thăm hỏi khi ốm đau, thai sản, các hoạt động chung như xây dựng nhóm (team building), câu lạc bộ hoặc tổ chức các cuộc thi giao hữu giữa các nhóm/ đơn vị thành viên;	Ví dụ 13: Tổ lao động năng suất
			Xây dựng nhóm làm việc bao gồm cả người lao động nước ngoài và lao động địa phương;	
7.1.6	Văn hóa	Xây dựng hình ảnh công ty đối với cộng đồng	Tạo điều kiện cho cộng đồng tiếp cận các nguồn tài nguyên hoặc sử dụng không gây hại các tài sản sản thuộc sở hữu/ sử dụng của công ty để tạo thêm thu nhập;	Tham khảo Ví dụ 14: Cải thiện đời sống cho công nhân và cộng đồng
			Ưu tiên sử dụng lao động từ cộng đồng bị ảnh hưởng hoặc xung quanh dự án như một phần của kế hoạch sử dụng lao động địa phương;	
			Trong trường hợp sử dụng thuê khoán lao động cần niêm yết thông báo rõ về tiền công, diện tích, yêu cầu kỹ thuật và quy trình nghiệm thu và thanh toán bằng tiếng địa phương;	Tham khảo Ví dụ 15: Thầu khoán lao động
			Tham vấn cộng đồng về những hoạt động, đóng góp đáp ứng nhu cầu cấp thiết của cộng đồng;	
			Lưu ý đối với những cam kết về đóng góp cơ sở hạ tầng hay quy đổi đất đai lấy cơ sở hạ tầng của công ty cần thông báo về kế hoạch thực hiện với thời gian biểu cụ thể cho cộng đồng và cơ quan quản lý địa phương;	Tham khảo Ví dụ 16: Cam kết đổi hạ tầng lấy đất đai
			Cân nhắc việc lựa chọn những hoạt động, đóng góp có tác dụng/ hiệu quả lâu dài;	Tham khảo Ví dụ 17: Trách nhiệm xã hội của Doanh nghiệp (CSR)
			Xây dựng những hoạt động chung thường xuyên giúp tăng cường sự tham gia, hiểu biết lẫn nhau giữa các bên như tham gia các sự kiện sinh hoạt tập thể, văn hóa – tâm linh của cộng đồng địa phương, tổ chức các giải thể thao giao hữu...	

STT	Loại rủi ro	Đề xuất giải pháp chính	Biện pháp thực hiện cụ thể	Tài liệu tham khảo
7.1.7	Đất đai, Lao động, Môi trường, Văn hóa/ Dân tộc bản địa	Hợp tác Doanh nghiệp – Người dân	Xác định loại mô hình hợp tác giữa doanh nghiệp và người dân, trong đó làm rõ quyền lợi và nghĩa vụ cụ thể của từng bên; tỷ lệ chia sẻ lợi ích và rủi ro; cách thức chia sẻ; thời điểm thực hiện quyền và nghĩa vụ; phương án đối với trường hợp đơn phương chấm dứt hợp đồng; cơ chế giám sát và giải quyết khiếu nại phát sinh;	
			Trong trường hợp doanh nghiệp áp dụng nhiều các mô hình hợp tác như người dân góp đất, góp công lao động hoặc doanh nghiệp bao tiêu/ khoán sản phẩm thì cần làm rõ sự khác biệt của từng mô hình, đánh giá của ưu điểm và nhược điểm để người dân lựa chọn;	
			Xây dựng cơ chế giám sát để mỗi bên có thể tự mình giám sát việc thực hiện hợp đồng hợp tác của bên còn lại như chế độ báo cáo; tiếp cận thông tin và chứng từ kèm theo liên quan đến việc thực hiện hợp đồng;	
			Xây dựng cơ chế tiếp nhận và giải quyết khiếu nại, thắc mắc liên quan đến các thỏa thuận Hợp tác;	
			Xây dựng chế độ lưu trữ, quản lý và công khai thông tin liên quan đến việc hợp tác để làm chứng cứ giải quyết các tranh chấp phát sinh như thông tin về số lượng các lần tuyển dụng và số lao động địa phương được tuyển dụng, số lượng các khóa đào tạo, tập huấn nâng cao năng lực cho lao động địa phương, các biện pháp bảo vệ môi trường đã được thực hiện, các hoạt động phối hợp trong việc thực hiện các biện pháp bảo vệ môi trường...	
			Cần đăng ký hoặc chứng thực về thỏa thuận hợp tác với bên thứ ba như đại diện cộng đồng hay cơ quan quản lý địa phương để cùng giám sát việc thực hiện thỏa thuận;	
7.2	Vận hành dự án			
7.2.1	Môi trường	Thực hiện nghiêm túc Kế hoạch quản lý môi trường	Công khai kế hoạch quản lý môi trường đã được duyệt. Đặc biệt những tiêu chí cụ thể, dễ hiểu và dễ giám sát như trồng cây phải cách xa nguồn nước sông suối mỗi bên 50m...	
			Thực hiện các biện pháp giảm thiểu tác động môi trường đã được duyệt, bao gồm cả xử lý vấn đề môi trường phát sinh đến lao động mùa vụ.	Xem thêm Ví dụ 18: Vấn đề môi trường
7.2.2		Tuân thủ quy trình sử dụng phân bón và hóa chất nhằm hạn chế tối đa tác động môi trường	Tuân thủ các quy định của pháp luật về việc sử dụng phân bón, thuốc bảo vệ thực vật hay hóa chất liên quan.	Xem thêm Ví dụ 19: Biện hạn chế thành ưu thế đầu tư.
			Tập huấn cho công nhân sử dụng các loại hóa chất và phân bón này đúng quy trình.	Xem thêm Ví dụ 18: Vấn đề môi trường
			Khuyến khích sử dụng thiên địch tự nhiên thay cho các loại hóa chất. Tận dụng lợi thế tự nhiên để sản xuất các sản phẩm hữu cơ chất lượng cao.	Xem thêm Ví dụ 19: Biện hạn chế thành ưu thế đầu tư.

STT	Loại rủi ro	Đề xuất giải pháp chính	Biện pháp thực hiện cụ thể	Tài liệu tham khảo
7.2.3	Môi trường	Phối hợp với cộng đồng cùng thực hiện bảo vệ môi trường	Thực hiện các sáng kiến nhằm vận động sự tham gia của cộng đồng trong việc cùng thực hiện công tác bảo vệ môi trường;	
7.3	Vấn đề an ninh trật tự			
7.3.1	Lao động	Phối hợp với chính quyền địa phương	Phối hợp với chính quyền địa phương trong vấn đề trật tự trị an, bảo vệ tài sản.	
			Tuân thủ các quy định về quản lý và báo cáo đối với lao động nhập cư.	
7.3.2		Phối hợp với cộng đồng địa phương	Xây dựng các nhóm/ tổ/ đội bao gồm đại diện cộng đồng và nhân viên công ty cùng phối hợp xử lý các vấn đề an ninh trật tự và bảo vệ tài sản của công ty và cộng đồng.	
7.4	Vấn đề báo cáo			
7.4.1	Lao động, Môi trường và Đất đai	Thực hiện đầy đủ nghĩa vụ tài chính thuế và chế độ báo cáo quyết toán thuế	Phối hợp với các cơ quan quản lý chuyên ngành của nước sở tại trong việc thực hiện nghĩa vụ về thuế, quyết toán tài chính.	
7.4.2		Thực hiện chế độ báo cáo về hoạt động đầu tư	Báo cáo việc thực hiện dự án với cơ quan cấp phép và cơ quan quản ký trực tiếp tại địa phương như sử dụng lao động địa phương, báo cáo về thực hiện các biện pháp bảo vệ môi trường...	
			Báo cáo về tình hình đầu tư ra nước ngoài cho Cục Đầu tư nước ngoài, Bộ Kế hoạch và Đầu tư và các cơ quan chủ quản và liên quan ở Việt Nam.	



Ảnh “Giọt mủ cao su”: Đỗ Minh Tuấn, Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam (VRG)

CHƯƠNG III: CHẤM DỨT ĐẦU TƯ

STT	Loại rủi ro	Đề xuất giải pháp chính	Biện pháp thực hiện cụ thể	Tài liệu tham khảo
1.	Chấm dứt hoặc chuyển nhượng dự án			
1.1	Xử lý các nghĩa vụ đang thực hiện với cộng đồng			
1.1.1		Xử lý các nghĩa vụ trong thỏa thuận hợp tác Doanh nghiệp – Người dân	Thương lượng về việc xử lý chấm dứt hợp đồng hoặc chuyển giao hợp tác giữa doanh nghiệp và người dân trước khi thực hiện;	
			Lưu ý áp dụng điều khoản đơn phương chấm dứt hợp đồng nếu không đạt được thỏa thuận tự nguyện chấm dứt hoặc chuyển giao;	
			Lập phương án và kế hoạch xử lý đối với các quyền và nghĩa vụ đối với các thỏa thuận hợp tác;	
			Thông báo phương án và kế hoạch xử lý cho các bên liên quan về việc chấm dứt hoặc chuyển giao thỏa thuận hợp tác cho đối tác mới;	
			Hợp và bàn giao các chứng từ, tài liệu và phương án, kế hoạch xử lý với các bên liên quan;	
1.1.2	Đất đai	Thực hiện hoặc chuyển giao các cam kết về bồi thường/ quy đổi cơ sở hạ tầng lấy đất để thực hiện dự án	Tổng kết việc thực hiện các cam kết với cộng đồng, làm rõ những nội dung chưa thực hiện;	
			Lên kế hoạch về việc xử lý đối với những cam kết chưa thực hiện bao gồm cả phương án xử lý, chuyển giao và thời hạn thực hiện cụ thể;	
			Hợp nhóm với các bên liên quan trong về kế hoạch và phương án xử lý cụ thể;	
			Thông báo cho các bên về việc phương án thực hiện hoặc chuyển giao các nghĩa vụ thực hiện cam kết với các bên liên quan;	
1.1.3		Lập Danh mục (checklist) các nghĩa vụ và cam kết	Xây dựng Danh mục các nghĩa vụ và cam kết đang và/ hoặc còn phải thực hiện để tránh các thiếu sót cũng như lập kế hoạch hoàn thành cho từng nghĩa vụ và cam kết tương ứng;	
			Danh mục các nghĩa vụ và cam kết cần là một phần của Hợp đồng trong trường hợp chuyển giao cho bên khác.	
1.2	Xử lý các nghĩa vụ đang thực hiện với cộng đồng			
1.2.1	Lao động	Nghĩa vụ của người chủ sử dụng lao động	Đàm phán để người lao động được ưu tiên tiếp tục được làm việc trong trường hợp chuyển nhượng dự án.	
			Tuân thủ các quy định của pháp luật về lao động có liên quan đến việc chấm dứt hợp đồng lao động;	
			Hoàn thành các nghĩa vụ tài chính như lương, bảo hiểm cho người lao động;	
			Thông báo trước cho người lao động về việc chấm dứt hoặc chuyển nhượng dự án để họ có phương án chuyển đổi công việc phù hợp và kịp thời.	

STT	Loại rủi ro	Đề xuất giải pháp chính	Biện pháp thực hiện cụ thể	Tài liệu tham khảo
1.3 Xử lý các nghĩa vụ với Nhà nước				
1.3.1		Nghĩa vụ tài chính	Hoàn thành hoặc chuyển giao có thông báo cho cơ quan quản lý về nghĩa vụ tài chính liên quan đến dự án cho bên tiếp nhận;	
			Báo cáo và thực hiện thủ tục chuyển tiền đầu tư về Việt Nam hoặc tái đầu tư vào dự án khác.	
1.3.2		Nghĩa vụ báo cáo:		
		Hoàn thiện các thủ tục pháp lý đối với nước nhận đầu tư	Thực hiện thủ tục thanh lý dự án, chấm dứt hoặc chuyển giao theo đúng quy định của pháp luật.	
		Hoàn thiện các thủ tục pháp lý đối với Việt Nam	Thông báo với cơ quan quản lý Nhà nước Việt Nam để thu hồi giấy phép đầu tư ra nước ngoài.	

VÍ DỤ MINH HỌA

Tên gọi	Nội dung
Ví dụ 1: Nhân quyền – Dân chủ và Chính sách Everything But Arms của Liên minh Châu Âu	Ngày 25/6/2012, Liên minh Châu Âu (EU) thông qua Khuôn khổ Chiến lược về Nhân quyền và Dân chủ (EU Strategic Framework on Human Rights and Democracy), xác định rằng các nguyên tắc tôn trọng nhân quyền, dân chủ và pháp trị là nền tảng của mọi chính sách của Liên minh. Chính sách Everything But Arms (EBA) của Liên minh Châu Âu là sáng kiến toàn cầu giúp cho các quốc gia kém phát triển nhất có thể hội nhập sâu hơn vào nền kinh tế toàn cầu thông qua miễn thuế và hạn ngạch cho tất cả các hàng hóa nhập khẩu vào Châu Âu trừ các loại vũ khí quân dụng. Đây là ưu đãi được thực hiện theo Hệ thống ưu đãi thuế quan phổ cập của Châu Âu (EU's Generalised Scheme of Preferences). Ra đời năm 2001, sửa đổi năm 2014 theo chính sách ưu đãi thuế quan phổ cập mới, hiện nay có 49 quốc gia được hưởng lợi từ chính sách này. Trong năm 2011, ưu đãi của EBA cho xuất khẩu giá trị tới 10,5 tỷ Euro, chiếm 12% tổng ưu đãi thuế quan phổ cập dành cho các quốc gia đang phát triển. Mặc dù, Myanmar là một trong 49 quốc gia được hưởng lợi theo chính sách này nhưng ưu đãi bị cắt từ năm 1997 do vi phạm nghiêm trọng và có hệ thống các nguyên tắc của công ước lao động quốc tế cốt lõi. Sau quyết định có lợi của Tổ chức Lao động quốc tế (ILO) vào tháng Sáu năm 2012, Ủy ban Châu Âu đề nghị khôi phục tư cách thành viên hưởng lợi từ EBA cho Myanmar vào tháng Chín năm 2012. Đề nghị của Ủy ban hiện đang được thảo luận tại Nghị viện và Hội đồng châu Âu.
Ví dụ 2: Hướng dẫn cho doanh nghiệp đa quốc gia của Tổ chức Hợp tác Phát triển Kinh tế	Các Hướng dẫn cho các doanh nghiệp đa quốc gia (Guidelines for Multinational Enterprises) của Tổ chức hợp tác và Phát triển Kinh tế (Organization for Economic Co-operation and Development – OECD) là khuyến nghị được thông qua bởi các Chính phủ đối với các doanh nghiệp đa quốc gia hoạt động trong hoặc từ các nước thuộc OECD và quốc gia khác chấp thuận tuân thủ Hướng dẫn này. Mặc dù hướng dẫn đưa ra các nguyên tắc và tiêu chuẩn không bắt buộc (non-binding) về xã hội và môi trường nhằm thực hiện kinh doanh có trách nhiệm trong bối cảnh toàn cầu phù hợp với pháp luật và các tiêu chuẩn được quốc tế công nhận nhưng Hướng dẫn là sự thỏa thuận đa phương và là quy tắc ứng xử bao trùm về kinh doanh có trách nhiệm được các Chính phủ đã cam kết thúc đẩy.
Ví dụ 3: Áp dụng Chính sách an toàn thông qua các tổ chức tài chính trung gian	Quỹ Vietnam Enterprise Investments (VEIL) là quỹ đầu tư dạng đóng hoạt động từ năm 1995. Quỹ có vốn cơ sở hơn 500 triệu USD và được quản lý bởi Công ty Quản lý Dragon Capital, một công ty con của Dragon Capital Group (DCG). International Finance Corporation (IFC) đã đầu tư 16,4 triệu USD vào Quỹ. Quỹ này hướng tới đầu tư vào chứng khoán phát hành ra công chúng hoặc riêng lẻ của các công ty Việt Nam, bằng tuyên bố cung cấp ưu đãi cho sự phát triển của thị trường vốn Việt bằng cách tăng tính thanh khoản của chứng khoán Việt Nam. Một trong những công ty nhận đầu tư vào DCG thông qua Quỹ là Hoàng Anh Gia Lai (HAGL).

Tên gọi	Nội dung
Ví dụ 3: Áp dụng Chính sách an toàn thông qua các tổ chức tài chính trung gian	Trong tháng 2 năm 2014, cộng đồng địa phương ở 17 làng thuộc tỉnh Ratanakiri, Campuchia nộp đơn khiếu nại tới CAO với sự hỗ trợ và trợ giúp của năm NGO ở Campuchia. Việc khiếu nại nêu ra hàng loạt các lo ngại về môi trường và xã hội đối với hoạt động của HAGL tại Campuchia, bao gồm tác động đến nguồn nước và tài nguyên cá, mất đất, thiếu bồi thường, thiếu công bố thông tin và sự tham gia của người dân, đe dọa đối với các thực hành tâm linh, văn hóa và bản địa, cũng như sử dụng lao động trẻ em. Khiếu nại này cáo buộc rằng công ty đã không tuân thủ các chính sách và thủ tục của IFC và pháp luật Campuchia. Người khiếu nại yêu cầu CAO giữ bí mật các thông tin cá nhân của họ. Compliance Advisor Ombudsman (CAO) là cơ chế trợ giúp độc lập của Tổ chức Tài chính Quốc tế (IFC) và Cơ quan bảo lãnh đầu tư đa phương (Multilateral Investment Guarantee Agency – MIGA). CAO phản hồi các các khiếu nại của các cộng đồng bị ảnh hưởng bởi dự án với mục tiêu nâng cao kết quả xã hội và môi trường trên thực địa.
Ví dụ 4: Cơ chế giải quyết tranh chấp đất đai tại Campuchia	Tại Campuchia có ba cơ chế giải quyết , đối với tranh chấp đất đai bao gồm: (i) Hội đồng Địa chính (Cadastral Commission); (ii) Hệ thống Tòa án và (iii) Cơ quan quốc gia giải quyết tranh chấp đất đai (National Authority for Land Dispute Resolution – NALDR). Ngoài ra Hội đồng xã và các ủy ban hành chính cũng đề tham gia nhưng không có quyền ra quyết định. Việc sử dụng cơ chế nào tùy thuộc vào loại đất đã được đăng ký hay chưa. Theo Luật Đất đai 2001 thì tranh chấp đất đai được giải quyết theo cơ chế Hội đồng địa chính và hệ thống Tòa án; Trong khi đó, NALDR được thành lập theo Nghị định số NS/RD/0206/067 ngày 26/2/2006. Một số tài liệu cho rằng việc phân định chức năng và vai trò của NALDR đối với hai cơ chế giải quyết tranh chấp đất đai theo Luật Đất đai 2001 là chưa rõ ràng.
Ví dụ 5: Hạn mức sử dụng lao động nước ngoài tại Lào	Tại Lào, Luật Lao động quy định về tỷ lệ lao động nước ngoài tối đa được phép tuyển dụng. Theo Luật Lao động (2006) thì tỷ lệ này lần lượt là 10% và 15% tổng số lao động đối với lao động chân tay và lao động có kỹ năng. Luật Lao động (2013) đã nâng tỷ lệ này lên 15% và 25% nhưng thay đổi cách tính đối từ trên tổng số lao động sang tổng số lao động Lào tương ứng tại đơn vị sử dụng lao động. Đối với các dự án lớn, dự án ưu tiên của chính phủ kéo dài dưới năm năm, tỷ lệ lao động nước ngoài sẽ được thực hiện theo hợp đồng giữa chủ dự án và chính phủ.
Ví dụ 6: Sản xuất đường ở Cam-pu-chia: một nghiên cứu điển hình về thu hồi đất	Đây là một tranh chấp thu hồi đất ở tỉnh Koh Kong. Tranh chấp nảy sinh năm 2006 khi gần một vạn hecta đất của nông dân bị thu hồi cho hai đồn điền tó nhượng sản xuất và tinh luyện đường mía cho xuất khẩu. Tranh chấp đã kéo dài giữa nông dân bị lấy đất và doanh nghiệp sản xuất đường, ngày càng trở căng thẳng và thậm chí kéo theo bạo lực. Vụ việc này cũng minh họa một thực tế là khi đã thất bại với mọi phương thức giải quyết tranh chấp trong nước, nông dân – với sự hỗ trợ của các NGO – đành nhờ đến các cơ chế pháp lý quốc tế để đòi công lý. (Thông tin thêm về ví dụ xin đọc ở dưới).
Ví dụ 7: Rủi ro giữa quyền sử dụng đất theo luật pháp và luật tục	Doanh nghiệp đầu tư trong lĩnh vực nông nghiệp ở Lào. Quỹ đất đầu tiên công ty được cấp chủ yếu là rừng gỗ tạp, nương rẫy bị bỏ hoang hóa. Sau khi ủi đất và bồi thường thì có người dân bản ra cấm cọc làm hàng rào và nhận là đất của mình do mua lại từ người khác. Mặc dù công ty làm tờ trình báo cáo lãnh đạo huyện và đề nghị xác minh lại đất này nhưng không được giải quyết. Do đó, công ty phải bồi thường thêm lần nữa cho mảnh đất này. Công ty không dám cưỡng chế vì sợ dân sẽ phá cây trồng sau này. Theo đại diện công ty thì “vấn đề đất đai, không chỉ ở Lào mà ngay cả ở Việt Nam, người dân đều thiếu hiểu biết về pháp luật, do đó áp dụng lệ làng rất mạnh”. (Nguồn: Khảo sát nghiên cứu khảo sát tại Lào, thời gian 15-23/05/2016) Bình luận: Nhóm cộng đồng người dân tộc bản địa sống bằng nông nghiệp luân canh luân cư, tức là canh tác ở một khu vực sau đó chuyển đến khu vực khác để canh tác những năm tiếp theo. Thông thường khu đất bị để hoang khoảng 5-7 năm và sau đó người dân quay lại canh tác tiếp, và cứ như vậy quay vòng trong tất cả các khu đất họ đã khai hoang. Trong cộng đồng của mình, người dân tôn trọng “quyền sở hữu” cũng như ranh giới đất đai của nhau theo luật tục và bảo vệ quyền này mạnh mẽ. Một số quốc gia tôn trọng “quyền sở hữu” và quyền tự quyết của người dân tộc bản địa.

Tên gọi	Nội dung
Ví dụ 8: Xung đột văn hóa	Khu vực nghĩa trang của người dân bị công ty xâm phạm (nằm trong diện tích của một Nông trường). Theo người dân, đây là khu vực nghĩa trang cũ của bản, gồm 47 ngôi mộ. Khi công ty đến thì đã san ủi toàn bộ, nay chỉ còn dấu vết là một cây to vẫn đang còn sống ở khu vực các ngôi mộ trước đây. Về việc này dù người dân nói nhưng công ty không tin, cho rằng đây là hài cốt từ thời chiến tranh biên giới. Ngoài ra, công ty cho rằng người Lào (dân tộc đa số) khi chết thì không chôn cất mà thực hiện nghi thức hỏa táng. Tuy nhiên, theo người dân thì họ là người dân tộc Brâu và vì thế họ vẫn thực hiện chôn cất người chết theo phong tục của dân tộc họ. Cho đến nay công ty vẫn không hề chịu trách nhiệm gì đối với các mồ mả mà người dân cho rằng công ty đã san ủi (người dân còn nêu rõ có 02 cán bộ chỉ đạo san ủi diện tích ở Nông trường này). (Nguồn: Khảo sát nghiên cứu khảo sát tại Lào, thời gian 15-23/05/2016)
Ví dụ 9: Câu chuyện CP Group về giảm rủi ro môi trường – xã hội thông qua chính sách xã hội của Doanh nghiệp (CSR)	Charoen Pokphand Group (hay C.P Group) là Tập đoàn sản xuất đa ngành lớn của Thái Lan, trong đó, lĩnh vực chế biến thực phẩm được đầu tư ở nhiều quốc gia trong khu vực Mekong. Ở Việt Nam, C.P Group cũng là một trong những nhà chế biến thực phẩm thịt lớn nhất Việt Nam. C.P Group bị cáo buộc tiếp tay cho hoạt động phá rừng bởi các nông dân trong chuỗi cung ứng thịt của họ phá rừng để xây trang trại nuôi gia súc, gia cầm và sau đó bán thịt cho C.P Group. Việc dừng mua thịt của các nông dân này lại dẫn đến sức ép từ cam kết với Chính phủ về thu mua nông sản (thịt) cho dân và lo ngại về tác động sinh kế cộng đồng từ một số tổ chức NGO khác. Giải pháp C.P Group đang áp dụng là chỉ mua thịt của những hộ nông dân mà có Giấy tờ chứng nhận đất đai xây trang trại là hợp pháp. Đối với những nông dân không có giấy tờ, họ chỉ mua nếu có một NGO quốc tế (và có uy tín) đứng ra chứng nhận rằng hộ đó sẽ thực hiện các biện pháp và cam kết trồng lại rừng. Tuy nhiên, mới chỉ giải quyết được phần nào các rủi ro về môi trường và xã hội tiềm ẩn từ các hoạt động đầu tư kinh doanh của họ và các chuỗi cung ứng. Nhằm phòng ngừa các rủi ro sau này, C.P Group đã thành lập Phòng Phát triển bền vững và xây dựng các Nguyên tắc bền vững và đưa ra cam kết về phát triển bền vững (Sustainability Commitment) với 17 mục tiêu cụ thể.
Ví dụ 10: Lừa đảo dự án đầu tư nước ngoài	Nhiều Doanh nghiệp Việt Nam sang đầu tư nhưng không thông báo với các cơ quan quản lý, tham tán Thương mại, chỉ đến khi phát hiện lừa đảo mới liên lạc với chúng tôi nên rất khó để hỗ trợ. Việc lừa đảo thường rất tinh vi và phần lớn thông qua các quan hệ cá nhân có quen biết. Các “cò” dự án thậm chí còn photo đầy đủ cả bộ hồ sơ, bản đồ đất đai của dự án để bán cho các Doanh nghiệp Việt Nam. Nhiều người nhẹ dạ bỏ hàng triệu USD để mua dự án nhưng sang đến nơi mới biết dự án không có thật hoặc thuộc sở hữu của đơn vị khác. Cơ quan đại diện ngoại giao Việt Nam đã từng phải gửi thư cảnh báo về tình trạng lừa đảo đầu tư tại Lào và Campuchia. (Nguồn: Khảo sát nghiên cứu khảo sát tại Campuchia, thời gian Tháng 12/2015)
Ví dụ 11: Hạn mức giao đất ở Campuchia	Theo Điều 59 Luật Đất đai 2001 của Campuchia, hạn mức giao đất không vượt quá 10.000 ha. Những diện tích đất tô nhượng lớn hơn diện tích này sẽ bị cắt giảm trừ một số trường hợp ngoại trừ do dẫn đến ảnh hưởng đến quá trình khai thác. Thủ tục giảm và miễn trừ cụ thể được xác định bởi các nghị định. Việc cấp nhượng quyền ở một số nơi lớn hơn hạn mức này nhằm dành ưu đãi cho một người hoặc một pháp nhân cụ thể được quản lý bởi cùng một người là bị nghiêm cấm. Tuy nhiên, cách hiểu và giải thích Điều 59 này giữa các cơ quan Chính phủ và các tổ chức xã hội là khác nhau. Do đó, dẫn đến cách áp dụng khác nhau và rủi ro cho Doanh nghiệp khi xem xét hành vi vi phạm.

Tên gọi	Nội dung
Ví dụ 12: “Khủng hoảng” nguồn lao động	Người dân không quen với tập quán lao động và tác phong công nghiệp, chỉ thích làm công nhật, không khoán và phải trả tiền ngay. Dù một người đi làm thì cả gia đình già trẻ, lớn nhỏ đều đi theo và đều yêu cầu trả tiền cho họ. Trong khi đó năng suất lao động thấp, không đáp ứng được nhu cầu sản xuất và công ty. Mặc dù từ năm 2013-2014 công ty đã bắt đầu phối hợp với Sở Lao động tỉnh để tổ chức các lớp tập huấn và kêu gọi công nhân làm lao động theo Hợp đồng. Tính đến 2015 công ty đã đào tạo tại chỗ miễn phí cho khoảng 200 người (công ty chỉ trả toàn bộ chi phí từ ăn uống, vật tư, đào tạo) và phối hợp với Sở và huyện ký cùng công ty cấp chứng chỉ tay nghề cho người lao động. Tuy nhiên, học xong dân không đi làm nữa hoặc bỏ đi làm cho công ty khác hoặc sang Thái Lan làm. Nhu cầu công ty sẽ cần khoảng hơn 3.000 lao động khi hoàn thiện, riêng năm 2016 cần ít nhất 250 lao động nhưng đến nay chỉ có chưa đến 70 lao động. Thực tế công ty đã đào tạo gần đủ số này nhưng người lao động không thực hiện cam kết, Hợp đồng chỉ “cho vui” còn công ty thì không cưỡng chế được. Trong khi đó hạn mức sử dụng tối đa 10% lao động nước ngoài làm công ty rất khó khăn trong hoạt động sản xuất, kinh doanh. Bài học rút ra từ hoạt động đầu tư của công ty là cần tìm hiểu kỹ phong tục tập quán của người dân bản địa để xác định loại hình sản xuất của công ty có phù hợp hay không. Hiện nay khi bắt đầu đi vào thu hoạch công ty gặp khó khăn rất lớn về vấn đề lao động. (Nguồn: Khảo sát nghiên cứu khảo sát tại Lào, thời gian 15-23/05/2016)
Ví dụ 13: Tổ lao động năng suất	Sản lượng cao su cao thì 90% đóng góp đến từ lao động. Để đảm bảo năng suất, chúng tôi phân lao động theo các tổ. Mỗi tổ lao động có Tổ trưởng là người Việt Nam, tổ phó là người Lào và đều được hưởng phụ cấp trách nhiệm để phụ trách chăm công tại tổ mình. Tổ trưởng người Việt chăm công cho công nhân Việt Nam, tổ phó người Lào chăm công cho công nhân Lào. Mỗi tổ đều có sổ ghi sản lượng, công nhân ký nhận hàng ngày. Do đó, mỗi công nhân có thể tính toán ngay được mỗi ngày mình làm được bao nhiêu tiền khi căn cứ vào sản lượng và giá và đối chiếu với tổng tiền công nhận được vào cuối tháng. Năm 2015 công ty vượt kế hoạch 51 ngày được Tổng công ty thưởng 150 triệu đã chia đều cho tất cả người Lào và người Việt Nam mà không có sự phân biệt nào. Đầu năm công ty thường phát động thi đua nêu rõ các tiêu chí xếp hạng lao động xét thưởng cuối năm bao gồm quy trình kỹ thuật, thời gian làm việc, sản lượng cụ thể và Tiền thưởng Tết Lào cho mọi công nhân, có cả hướng dẫn bằng Tiếng Lào phát cho các tổ. Các tổ tự bình bầu và báo cáo số lượng và xếp hạng để Công ty thưởng căn cứ vào Quỹ tiền thưởng hàng năm công ty chứ không chia đều nhằm khuyến khích những lao động chăm chỉ. (Nguồn: Khảo sát nghiên cứu khảo sát tại Lào, thời gian 15-23/05/2016)
Ví dụ 14: Cải thiện đời sống cho công nhân và cộng đồng	Tập đoàn đã nghiên cứu và áp dụng nhiều mô hình khác nhau nhằm nâng cao thu nhập cho người lao động trong tình cảnh khó khăn. Đối với ba năm đầu cây cao su chưa khép tán, công ty khuyến khích người dân trồng xen canh hoa màu. Thậm chí nếu dân không có tiền công ty cho vay và mua lại sản phẩm. Công ty còn cho phép người lao động chăn nuôi ở những khu vực có nước như ngan, ngỗng, gà đẻ trứng để bán lấy tiền tăng thêm thu nhập và cải thiện đời sống. Ở Việt Nam còn trồng café ghép ở dưới tán cao su để tăng nguồn thu trong thời điểm giá cao su giảm dài và sâu. (Nguồn: Khảo sát nghiên cứu khảo sát tại Lào, thời gian 15-23/05/2016)
Ví dụ 15: Thầu khoán lao động	Theo thông tin người dân nắm được thì Công ty thanh toán cho mỗi công lao động của người dân từ 40.000 – 50.000 kíp. Tuy nhiên, do công ty không trực tiếp trả cho người dân mà qua trung gian là người Việt hoặc người Lào nên người dân chỉ được trả từ 20.000 – 30.000 kíp. Một trong những “thủ thuật” mà những người trung gian giảm tiền công phải trả cho người dân là cho rằng chất lượng công việc người dân làm không đạt yêu cầu. Ví dụ, khi đào hố trồng cao su, ban đầu các trung gian thỏa thuận với người dân về quy cách hố đào. Đến cuối ngày, khi cán bộ công ty đến nghiệm thu thì yêu cầu lại khác và cho rằng người dân làm không đúng. Kết quả là người dân bị giảm tiền công. (Nguồn: Khảo sát nghiên cứu khảo sát tại Lào, thời gian 15-23/05/2016)

Tên gọi	Nội dung
Ví dụ 16: Cam kết đối hạ tầng lấy đất đai	Công ty hứa hẹn xây công trình thủy lợi/ đập và đường, cầu, trường học cho dân nên dân ủng hộ và giao đất cho, nhưng đến nay công ty chưa thực hiện. Bây giờ người dân đang ủng hộ công ty và chính quyền địa phương, mong công ty sẽ thực hiện lời hứa. Quan trọng nhất là xây trường học (do trường hư hỏng hết rồi) và xây đường, cầu, còn thủy lợi nếu có thì tốt vì bây giờ dân chỉ dùng nước mưa thôi. Đến nay đã 10 năm nhưng công ty vẫn chậm thực hiện lời hứa mà công ty cũng không có giải thích gì. Bà con tin tưởng chính quyền sẽ thúc đẩy công ty thực hiện. - Đại diện cộng đồng ở Lào - Các công ty đầu tư tại Lào nên có khoản vốn dành cho phát triển các công trình công cộng/ hạ tầng cơ sở theo đề nghị của dân, tỉnh và Chính phủ. Thời gian qua chúng tôi thông cảm do công ty chưa có thu nhập nên giao thôn, huyện khuyến khích công ty thực hiện nhưng sau này tỉnh sẽ bắt buộc các công ty phải thực hiện. Tỉnh sẽ yêu cầu các công ty thông báo về kế hoạch thực hiện để thúc đẩy việc triển khai sau này. Nếu không tỉnh sẽ can thiệp bằng cách không gia hạn Giấy phép, không gia hạn thuê đất hoặc không cấp thêm đất nếu không có cam kết và lộ trình thực hiện cụ thể. - Đại diện Sở Nông Lâm nghiệp Lào - (Nguồn: Khảo sát nghiên cứu khảo sát tại Lào, thời gian 15-23/05/2016)
Ví dụ 17: Trách nhiệm xã hội của Doanh nghiệp (CSR)	Theo tôi, chính sách CSR được hiểu là sử dụng lao động phải đi kèm với đào tạo chuyên môn; áp dụng bảo hộ lao động cho công nhân lao động nặng nhọc; đóng góp xây dựng và thực hiện công trình công cộng và tuân thủ các chính sách, pháp luật của Nhà nước. Tôi mới được bổ nhiệm và chuyển đến đây công tác khoảng 1,5 tháng nhưng quan sát thấy có khoảng trên 30 em không đi học do theo cha mẹ đến làm việc trong nông trường. Do đó, sắp tới công ty sẽ thuê cô giáo và tổ chức lớp học tiếng Lào cho những trẻ em này. Cá nhân tôi và nhân viên của công ty cũng sẽ phải học thêm lớp này để có thể giao tiếp được với cộng đồng dân cư xung quanh. - Đại diện Doanh nghiệp đầu tư ở Lào - (Nguồn: Khảo sát nghiên cứu khảo sát tại Lào, thời gian 15-23/05/2016) Bình luận: Trách nhiệm xã hội của Doanh nghiệp (Corporate social responsibility - CSR) được hiểu theo nhiều cách. Cách hiểu truyền thống tập trung vào những đóng góp tự nguyện của Doanh nghiệp đối với phát triển cộng đồng, từ thiện và những đóng góp cho môi trường và xã hội khác. Tuy nhiên, cách hiểu mới được các bên công nhận rộng rãi là cách hiểu tập trung vào trách nhiệm của Doanh nghiệp trong việc nhận biết và giải quyết các tác động từ hoạt động kinh doanh đối với xã hội, nhằm tránh những tác động bất lợi và tối đa hóa các lợi ích. Trong tài liệu này, CSR được hiểu theo hướng mới và theo định nghĩa của Ủy ban Châu Âu.
Ví dụ 18: Vấn đề môi trường	Việc sử dụng chất hóa học để làm sạch bát thu nhựa thô: Trước năm 2013 họ dùng chất hóa học nhẹ nên không ảnh hưởng đến sức khỏe, da tay công nhân và môi trường bên ngoài. Bây giờ do giá cao su giảm nên họ dùng chất hóa học nguy hiểm cho công nhân xử lý làm sạch bát nên ảnh hưởng đến mũi họng và môi trường. Chất này chảy xuống suối làm cá chết, trâu bò lở mồm long móng và cũng có thể chết. - Người lao động của một công ty cao su ở Lào - Công ty sử dụng nhiều thuốc bảo vệ thực vật sau Phòng Nông Lâm tỉnh không cho phép sử dụng nữa nên họ đã giảm 80% so với trước đây. Người dân đã có ý kiến, công ty cũng từng bị cán bộ huyện xử phạt và yêu cầu không dùng thuốc diệt cỏ và phải cải thiện môi trường nhưng đến nay chưa có cải thiện gì. Chất thải từ bao bì phân bón, thuốc trừ sâu và vệ sinh của công nhân vứt bừa bãi do công nhân có ý thức kém. Nhà ở của người Việt có xây nhà vệ sinh nhưng người Lào không có, ngoài ra lán tạm của công nhân vào mùa vụ cũng không có nhà vệ sinh nên gây ô nhiễm. Việc xây dựng nhà tạm cho công nhân gần các khu sông, suối là không phù hợp. Hiện có khoảng 40 công nhân sống trong khu vực đó. Ngoài ra công ty còn xây cả nhà ở và trụ sở công ty gần sông suối nên người dân lo sợ ô nhiễm từ sinh hoạt và thuốc bảo vệ thực vật chảy xuống suối. Ngoài ra, Hồ chứa nước thải của Nhà máy chưa đủ sức chứa, thỉnh thoảng vẫn bị tràn xuống suối. - Đại diện cộng đồng xung quanh công ty ở Lào - (Nguồn: Khảo sát nghiên cứu khảo sát tại Lào, thời gian 15-23/05/2016)

Tên gọi	Nội dung
Ví dụ 19: Biến hạn chế thành ưu thế đầu tư.	Việc sử dụng phân bón và thuốc trừ sâu ở Lào khó khăn vì người dân theo đạo Phật nên không muốn dùng. Chính phủ Lào cấm sử dụng thuốc diệt cỏ, hạn chế sử dụng thuốc bảo vệ thực vật. Hiện nay nếu dùng thuốc bảo vệ thực vật thì công nhân Việt Nam đi phun chứ người Lào không làm và phải sau phun 1 tuần người dân mới lên làm lại. Tuy nhiên, chúng tôi xác định đây là vùng trọng điểm phát triển nông nghiệp công nghệ cao như café, rau hoa chất lượng cao. Khu vực này thuận lợi vì có khí hậu phù hợp, mặt khác do thói quen canh tác dựa vào tự nhiên của người dân nên đất đai chưa bị ô nhiễm như ở Việt Nam. Công ty có lộ trình xây dựng quy trình canh tác café sạch sử dụng phân bón hữu cơ hướng tới xây dựng thương hiệu café sạch vùng Boloven của Việt Nam. Chiến lược này sẽ đòi hỏi quy trình nghiêm ngặt và nhu cầu sử dụng lao động cao hơn. Trong khi đó, trình độ của người dân chỉ là quản canh nên chúng tôi cũng tính đến việc đào tạo, tư vấn kỹ thuật cho dân, chuyển giao khoa học kỹ thuật thâm canh. - Đại diện Doanh nghiệp Việt Nam đầu tư ở Lào - (Nguồn: Khảo sát nghiên cứu khảo sát tại Lào, thời gian 15-23/05/2016 và khảo sát nghiên cứu tại Việt Nam, thời gian 12-19/06/2016)
Ví dụ 20: Bảo hiểm xã hội cho người lao động Việt Nam về nước	Công ty rất khó tuyển dụng được lao động có kỹ năng, đặc biệt đối với vị trí quản lý. Trong khi đó, khi lao động Việt Nam hết tuổi lao động về nước thì lại khó khăn vì công ty không có nguồn chi trả lương hưu cho họ bởi bảo hiểm lao động đóng ở nước ngoài. Hiện nay chưa biết làm thế nào để người lao động có thể nhận được lương hưu từ nước ngoài. Đây cũng là lý do khiến lao động Việt Nam cũng không muốn sang các dự án ở nước ngoài làm việc. (Nguồn: Thảo luận Nhóm Doanh nghiệp Tiên phong)

VÍ DỤ 6: SẢN XUẤT ĐƯỜNG Ở CAM-PU-CHIA: MỘT NGHIÊN CỨU ĐIỀN HÌNH VỀ THU HỒI ĐẤT

Đây là một tranh chấp thu hồi đất ở tỉnh Koh Kong. Tranh chấp nảy sinh năm 2006 khi gần một vạn hec-ta đất của nông dân bị thu hồi cho hai đồn điền tô nhượng sản xuất và tinh luyện đường mía cho xuất khẩu. Tranh chấp đã kéo dài giữa nông dân bị lấy đất và doanh nghiệp sản xuất đường, ngày càng trở căng thẳng và thậm chí kéo theo bạo lực. Vụ việc này cũng minh họa một thực tế là khi đã thất bại với mọi phương thức giải quyết tranh chấp trong nước, nông dân – với sự hỗ trợ của các NGO – đành nhờ đến các cơ chế pháp lý quốc tế để đòi công lý.

THÔNG TIN CHUNG VỀ TỈNH KOH KONG

Có gần 140.000 dân sống ở Koh Kong dựa vào nghề nông. Tập quán canh tác là phát rừng làm nương trên các diện tích quy mô nhỏ từ 1 đến 3 hec-ta (WFP 2013). Rất ít nông dân có giấy tờ sở hữu đất chính thức, chủ yếu là khẳng định sở hữu thông qua việc chiếm hữu liên tục, ổn định trong thời gian dài (APRODEV 2011).

Để đa dạng hóa nền kinh tế và thúc đẩy tạo ra của cải xã hội, Kế hoạch Phát triển Chiến lược Quốc gia Cam-pu-chia đề cao vai trò phát triển cây công nghiệp trên địa bàn tỉnh (Open Development 2013). Một nội dung quan trọng của kế hoạch này là giao đất tô nhượng cho các nhà đầu tư trong lĩnh vực nông nghiệp. Các nhà đầu tư khai phá đất và trồng cây công nghiệp xuất khẩu như mía đường (Open Development 2013).

Việc phát triển nông nghiệp hiện đại, quy mô lớn trên địa bàn tỉnh đã được tăng cường đáng kể thông qua một chương trình thương mại ưu đãi của Liên minh châu Âu (EU) có tên gọi Everything But Arms (EBA), một chương trình được thiết lập năm 2001 để hỗ trợ nông dân ở những quốc gia kém phát triển. Với chương trình này, ngành sản xuất đường ở Cam-pu-chia đã thu lợi rất cao do có thể xuất khẩu miễn thuế vào thị trường EU và được bảo đảm mức giá tối thiểu trên mỗi tấn. Gần 100.000 hec-ta ở 4 tỉnh Cam-pu-chia, trong đó có Koh Kong, đã được thiết lập ELC để sản xuất đường (ECS&IDI 2013: 8).

THU HỒI ĐẤT CHO ELC

Tháng 8/2006, Bộ Nông, Lâm, Ngư nghiệp (MAFF) đã giao đất cho hai dự án ELC – mỗi dự án gần 1 vạn hec-ta đặt

tại hai huyện Sre Ambel và Botumsakor của Koh Kong – cho hai công ty Cam-pu-chia là Koh Kong Plantation Co. Ltd. (KKPT) và Koh Kong Sugar Industry Co. Ltd. (KKSIL). Tập đoàn LYP của doanh nhân kiêm thượng nghị sỹ địa phương Ly Yong Phat nắm 20% cổ phần sở hữu của mỗi công ty. Sau đó ông này bán cổ phần của mình cho một công ty đường của Thái Lan có tên Khon Kaen Sugar Industry Public Company Ltd. (KSL).

Hiện KSL nắm 70% cổ phần trong hai công ty Cam-pu-chia đã được cấp đất tô nhượng. 30% còn lại thuộc sở hữu của một công ty Đài Loan có tên Ve Wong. KSL còn có một hợp đồng cung cấp đường cho công ty thương mại của Anh có tên Tate and Lyle Sugar (TLS) trong năm năm.

Đất được thu hồi để giao tô nhượng (ELC) là loại đất gì? Người dân địa phương đang canh tác trên khoảng 5.000 hec-ta thuộc phần đất giao tô nhượng cho KKSIL và KKPT (Sokha 2007). Tập đoàn LYP đã thông báo với họ rằng đất canh tác của họ nằm trong hai dự án ELC mới được giao. Lực lượng cường chế gồm cảnh sát địa phương và quân đội đã buộc 456 gia đình phải di dời để lấy đất cho đồn điền sản xuất đường (Sokha 2006).

Phản đối của người dân bị lấy đất

Các nông dân bị thu hồi đất cho rằng hai dự án giao đất tô nhượng cho KKPT và KKSIL là bất hợp pháp và phải bị hủy bỏ. Họ nêu lên 4 điểm để phản bác:

- Theo Luật Đất đai 2001 hạn điền giao đất tô nhượng (ELC) cho một doanh nghiệp là 10.000 ha. Hai ELC giao cho KKPT và KKSIL đã vượt gấp đôi hạn điền này (Luật Đất đai 2001, Điều 59) bởi thực tế KKPT và KKSIL cùng thuộc một chủ sở hữu (tập đoàn LYP).
- Người dân đã có tài liệu làm bằng chứng cho quyền sở hữu của mình theo quy định của Luật Đất đai 2001 và đủ điều kiện được cấp giấy chứng nhận sở hữu đất. Theo Luật Đất đai 2001, quyền sở hữu được công nhận khi người dân có thể chứng minh mình đã sử dụng liên tục đất đó trong hơn 5 năm. Trong vụ này, nông dân đã xuất trình hồ sơ đăng ký đất của hộ gia đình hoặc giấy tờ tùy thân của Liên hợp quốc thể hiện việc sinh sống lâu dài (ECS&IDI 2013: 25).
- Luật đất đai Cam-pu-chia nghiêm cấm mọi can thiệp vào đất khi đang chờ cấp giấy chứng nhận sở hữu (các điều 30-39 Luật Đất đai 2001). Người dân nói rằng hai dự án ELC đã can thiệp vào quyền chiếm giữ của họ trong quá trình chuyển đổi đất.

- Hai dự án ELC đã không tuân thủ trình tự thủ tục quy định tại Nghị định bổ sung số 146 năm 2005 về giao đất tô nhượng kinh tế. Điều 3 của nghị định 146 yêu cầu phải tổ chức tham vấn công chúng và đánh giá tác động xã hội và môi trường phải nêu được kế hoạch tái định cư tự nguyện cho những người bị lấy đất. Quá trình tham vấn này không được tiến hành trước khi MAFF có quyết định giao đất tô nhượng (ERI 2013). Trên thực tế, một số người đã bị KKPT và KKSÍ ép phải di dời từ tháng 5- 6/2006, hai tháng trước khi có quyết định ELC chính thức. Người dân cho biết: “Khi công ty đến đây hồi tháng 5/2006, họ đã ủi đi mọi thứ mà chẳng thèm lấy ý kiến hay có đánh giá tác động môi trường gì hết... Họ ủi sạch nương rẫy, bắn chết gia súc của chúng tôi. Sau khi gần 100 gia đình bị lấy mất đất, chúng tôi mới bắt đầu chụp ảnh.” *Teng Kao, đại diện dân làng ở tỉnh Koh Kong, người đã bị thu hồi gần 10 hecta đất cho các đồn điền* (Hodal 2013). “Chúng tôi không hề được thông báo trước. Tự nhiên, một ngày họ xuất hiện và phát sạch mọi nương rẫy— họ đã ủi sạch mọi thứ trên đất của tôi và tôi muốn biết tại sao.” *Nông dân Koh Kong* (Open Development 2013).

Mới chỉ có 23 người dân đã nhận bồi thường. Phần lớn số tiền bồi thường nằm trong khoảng US\$75 đến US\$750, kèm theo lô đất nhỏ cho tái định cư (khoảng 0,2 hecta), thấp hơn nhiều giá trị thị trường của đất bị thu hồi cho ELC (EC&IDI 2013: 64).

CÁC CƠ CHẾ GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP TRONG NƯỚC

Đối thoại và hòa giải

Những nông dân bị mất đất đã tiến hành phản đối trong hòa bình nhưng lại bị cảnh sát và quân đội trấn áp một cách có tổ chức (Human Rights Asia 2006). Tháng 3 năm 2007, họ đã lên tận Phnom Penh và nộp đơn khiếu nại lên nhiều cơ quan, trong đó có Quốc hội, Nội các, Bộ Nội vụ, Hội đồng Bộ trưởng. Họ cũng đã nộp đơn lên Cơ quan Quốc gia về Giải quyết Tranh chấp – theo Luật Đất đai 2001, đây là cơ quan chịu trách nhiệm giải quyết tranh chấp liên quan đến đất chưa đăng ký.

Mặc dù các cơ quan nhà nước này đã đối thoại với người dân, nhưng trong năm năm trời không một quyết định cụ thể nào đã được đưa ra với công ty sản xuất đường hoặc cơ quan nhà nước có liên quan (SRS& 2007: 17). Những nỗ lực của người dân

nhằm thương lượng trực tiếp với các công ty sản xuất đường cũng không đem lại thành công. Tháng 8/2008, một NGO Cam-pu-chia – Trung tâm Giáo dục Pháp luật Cộng đồng (CLEC) – đã gửi thư cho KSL về tính bất hợp pháp của các ELC mà họ đang trồng mía và sản xuất đường, cũng như tác động tiêu cực của điều này đối với những người dân mất đất. Tháng 9/2008, KSL phúc đáp rằng họ không biết gì về những khiếu nại này (SRS& 2007: 10). Họ nói người dân đã được đền bù. Trong một cuộc họp gần đây với đại diện Tập đoàn LYP vào tháng 2/2013, một đại diện người dân phản ánh:

- Công ty nói rằng họ đã đạt được thỏa thuận với hầu hết các hộ, chỉ trừ 9 hộ, nhưng điều ấy không đúng. Chúng tôi chưa nhận được một chút bồi thường nào cho 1,300 hecta rừng của mình đã bị thu hồi. (Titthara 2013).

Khởi kiện ra tòa án

Song song với việc khiếu nại lên các cơ quan trung ương, những người dân mất đất đã nộp đơn dân sự và yêu cầu truy tố hình sự đối với KKSÍ và KKPT ở tòa án tỉnh Koh Kong vào tháng 2 năm 2007. CLEC đã giúp họ nộp đơn khởi kiện yêu cầu hủy hai hợp đồng ELC (ERI 2013: 9). Tòa án bác yêu cầu truy tố hình sự. Vụ kiện dân sự được dự kiến đưa ra xét xử vào ngày 26/7/2012, năm năm sau khi có đơn khởi kiện (Channyda 2012). Tuy nhiên, phiên tòa lại tiếp tục bị hoãn do luật sư bên bị không đến dự.

Không chỉ hoãn đi hoãn lại việc mở phiên tòa, các thẩm phán tòa án tỉnh Koh Kong còn cố tình chuyển vụ việc lại cho các cơ quan hành chính xử lý (như Hội đồng Địa chính) với lập luận rằng tòa án không có thẩm quyền (ERI 2013: 13). Trên thực tế, đây là một vụ kiện rõ ràng thuộc thẩm quyền của tòa án vì nó liên quan đến tính hợp pháp của Hợp đồng ELC, chứ không phải yêu cầu đòi đất của người dân.

Trong sáu năm từ khi tranh chấp phát sinh, người dân đã nỗ lực gõ mọi cửa để giải quyết tranh chấp của mình theo pháp luật. Mặc dù không nơi nào thẳng thừng từ chối yêu cầu của họ, nhưng cũng không nơi nào tạo điều kiện cho họ trao đổi một cách tương đối bình đẳng với chủ đầu tư về vấn đề trách nhiệm và bồi thường. Chủ đầu tư cũng không bị buộc phải phản hồi cụ thể những chi tiết trong yêu cầu của người dân.

Các cơ chế giải quyết tranh chấp quốc tế

Năm 2010, sau khi đã vận dụng mọi cơ chế trong nước để giải quyết tranh chấp, cả tư pháp lẫn chính

trị, người dân – với sự hỗ trợ của nhiều NGO – đã bắt đầu một chiến dịch với nhiều mũi tấn công để tiếp cận các cơ chế quốc tế nhằm giải quyết tranh chấp của mình.

Khiếu nại tới các cơ quan chính phủ nước ngoài

Các NGO đại diện cho dân làng đã tìm đến một loạt diễn đàn xuyên quốc gia để gây áp lực với các công ty sản xuất đường buộc họ phải đàm phán với dân làng (ERI 2013: 10). Chiến thuật này dựa vào quyền tài phán ngoài lãnh thổ của Cộng đồng Châu Âu (EU) và Mỹ, theo đó cơ quan chức năng của EU và Mỹ có thể yêu cầu các doanh nghiệp có trụ sở trên lãnh thổ của mình chịu trách nhiệm cho những hành động của họ ở nước ngoài.

Năm 2010, CLEC gửi khiếu nại đến Ủy ban châu Âu yêu cầu điều tra hợp đồng của KSL với Tate and Lyle Sugar (TLS) (ERI 2013: 10). Lưu ý rằng TLS là tập đoàn xuyên quốc gia đăng ký thành lập tại Anh. Trong năm 2012, 97% tổng kim ngạch xuất khẩu đường trị giá 10 triệu euro của Cam-pu-chia là xuất vào thị trường EU; TLS mua khoảng 99% lượng xuất khẩu vào EU này.

Tháng 10 năm 2012, Nghị viện châu Âu đã chỉ thị cho Ủy ban châu Âu điều tra những cáo buộc vi phạm nhân quyền ngày càng gia tăng trong thu hồi đất cho ELC sản xuất đường ở Cam-pu-chia (ERI 2013: 10). Nghị viện châu Âu yêu cầu tạm dừng các ưu đãi thương mại đối với những nông sản có liên quan đến vi phạm nhân quyền (EC&IDI 2013: 83).

CLEC đã cùng các NGO khác nộp đơn lên các cơ quan châu Âu khác, yêu cầu họ điều tra những công ty và tập đoàn đã đầu tư vào KSL và có thể đã vi phạm những hướng dẫn đạo đức kinh doanh. Ví dụ, tháng 11/2011, CLEC và Earth Rights International (ERI) nộp đơn lên Hội đồng Đạo đức Na-uy yêu cầu điều tra các hành vi của KSL (ERI 2013: 11). Quỹ Hưu trí Toàn cầu Na-uy có cổ phần đầu tư trong KSL. CLEC và ERI lập luận rằng phần vốn đầu tư của Quỹ trong KSL đã vi phạm các hướng dẫn đạo đức của Quỹ (SRSG 2007: 10). Hiện vẫn chưa có kết luận cuối cùng.

Khiếu nại còn được gửi tới các cơ quan của Mỹ. Ngày 31/10/2012, CLEC và ERI đã thay mặt những người dân mất đất gửi đơn lên Cơ quan Đầu mối Quốc gia (NCP) của Mỹ về những vi phạm nhân quyền liên quan đến hoạt động của các công ty đường ở Koh Kong (Bộ Ngoại giao Mỹ 2013). Đơn khiếu nại cáo buộc Công ty American Sugar Refiners (ASR) của Mỹ, thông qua công ty con TLS, đã mua đường từ KSL được sản xuất tại các đồn điền Koh Kong trên đất đã trưng thu bất hợp pháp của người dân (Bộ Ngoại giao Mỹ 2013).

ASR chịu sự điều chỉnh của Hướng dẫn OECD đối với các doanh nghiệp đa quốc gia. Theo Hướng dẫn này, công ty “...có nghĩa vụ tránh góp phần vào những hành vi vi phạm Hướng dẫn và, với tư cách là công ty bao tiêu đường từ đồn điền Koh Kong, có cơ hội và trách nhiệm sử dụng ảnh hưởng của mình để khắc phục những vi phạm của đơn vị quản lý đồn điền” (Bộ Ngoại giao Mỹ 2013).

ASR ban đầu có hợp tác với NCP của Mỹ và đồng ý tham gia hòa giải để tìm giải pháp cho tranh chấp đất đai này. Nhưng sau đó họ đã rút lui khỏi quá trình hòa giải vì phát hiện ra rằng CLEC đã khởi kiện TLS tại tòa án Anh (xem phần dưới đây) (Bộ Ngoại giao Mỹ 2013). NCP Mỹ đã đóng hồ sơ vụ việc vào ngày 4/6/2013 vì các bên đã không thể nhất trí về các điều kiện thương lượng và hòa giải với kết luận sau:

- NCP khuyến nghị ASR đánh giá những nội dung mà các NGO nêu ra và xem xét cách thức giải quyết kể cả khi điều kiện, tình hình hiện không còn cho phép giải quyết vụ việc thông qua quy trình NCP nữa. Cụ thể, NCP khuyến nghị ASR tiến hành rà soát các chính sách của doanh nghiệp về nhân quyền trên cơ sở những yêu cầu của Hướng dẫn và các Nguyên tắc định hướng của Liên hợp quốc. Việc rà soát này có thể bao gồm cả tham vấn với những đối tượng bên ngoài. (Bộ Ngoại giao Mỹ 2013).

Các bộ quy tắc hoạt động xuyên quốc gia

Các NGO của Cam-pu-chia cũng đã nỗ lực sử dụng các bộ quy tắc hoạt động xuyên quốc gia để gây sức ép với các tập đoàn xuyên quốc gia có liên quan đến ngành sản xuất đường của Cam-pu-chia. Các NGO xuyên quốc gia như Bonsucro đã xây dựng các bộ quy tắc hoạt động điều chỉnh điều kiện lao động và các điều kiện khác trong ngành sản xuất đường (Bonsucro 2013). Các doanh nghiệp tham gia ngành đường – trong đó có TLS – phải có chứng nhận của Bonsucro thì mới xuất khẩu được sản phẩm vào các thị trường phương tây.

Năm 2011 CLEC và Equitable Cambodia (EC) – một NGO tại Cam-pu-chia – đã nộp đơn lên Bonsucro tố cáo những hoạt động của TLS tại Cam-pu-chia (ERI 2013: 10). Sau khi điều tra tố cáo về việc thu hồi đất của nông dân tại tỉnh Koh Kong, ngày 8/7/2013, Bonsucro tạm thời đình chỉ tư cách thành viên của TLS. Theo các báo cáo, TLS đã không hợp tác để giải quyết tố cáo và phớt lờ yêu cầu xem xét lại mức tiền đền bù cho người dân bị lấy đất (Bonsucro 2013). Việc đình chỉ tư cách thành viên có nghĩa là TLS không thể quảng bá sản phẩm đường của mình là sản phẩm được chứng nhận về đạo đức. Điều đó cũng ảnh hưởng tới giá bán sản phẩm trên thị trường phương

tây, vì người tiêu dùng ở những thị trường này sẵn sàng trả mức giá cao hơn cho những sản phẩm được chứng nhận đạo đức (Bonsucro 2013).

Khởi kiện tại các quốc gia thứ ba

Bên cạnh việc vận dụng những bộ quy tắc hoạt động xuyên quốc gia, các NGO đại diện cho người dân mất đất đã tìm tới những tòa án tại các quốc gia thứ ba để khởi kiện. Ngày 28/3/2013, CLEC đã khởi kiện dân sự đối với TLS, một công ty đăng ký tại Anh, ra tòa chuyên trách thương mại thuộc Tòa Thượng thẩm Vương quốc Anh (Đơn kiện ra Tòa án Thượng thẩm 2013 Folio 451: Chi tiết đơn kiện). Đơn khởi kiện cáo buộc TLS mua đường được sản xuất trên đất bị tước đoạt một cách sai trái của nông dân ở tỉnh Koh Kong. Đơn kiện nêu rõ TLS “đã biết rằng dân làng là chủ sở hữu của đường nguyên liệu và hẳn phải biết điều đó vì họ là một chủ thể chính trên thị trường” (Davies 2013; Hodal 2013). Đơn kiện cũng cáo buộc TLS “đã tước đoạt một cách sai trái những tài sản của dân làng để phục vụ cho lợi ích của riêng mình” (Davies 2013). Mía đường thu hoạch trên đất tranh chấp được chế biến đầu tiên tại Cam-pu-chia và sau đó là tại Thái Lan, rồi được tiếp tục bán cho TLS để ra thành phẩm. Phần yêu cầu của đơn kiện nêu rõ “chiều theo pháp luật Cam-pu-chia, nguyên đơn là chủ sở hữu của đất” và do vậy “được quyền sở hữu đối với cây mía đường” (Đơn kiện ra Tòa án Thượng thẩm 2013 Folio 451: Chi tiết đơn kiện).

Sau khi đơn kiện được nộp, TLS được bán cho American Sugar Refining – tư cách bị đơn được chuyển sang cho ASR. Công ty này phản bác rằng TLS không biết gì về quyền sở hữu đất đã tồn tại trước đó trên đất đồn điền ở tỉnh Koh Kong (Đơn kiện ra Tòa án Thượng thẩm 2013 Folio 451: Chi tiết đơn kiện). Ngoài ra, ASR cũng phản bác rằng các nguyên đơn không có quyền đối với cây mía đường trồng trên đất tranh chấp, kể cả trường hợp họ từng là chủ sở hữu của đất, bởi vì họ không trả tiền cho cây giống cũng như các chi phí sản xuất khác. Người dân cũng đòi bồi thường cho khoảng 48.000 tấn đường – tương đương số tiền €24 triệu – mà nhà máy tinh luyện của TLS ở London bị cáo buộc là đã tiếp nhận trong giai đoạn từ 2010 (Hodal 2013). Tháng 7/2013, sau nỗ lực sơ bộ nhằm hòa giải thất bại, vụ kiện được xếp lịch xét xử tại Tòa Thượng thẩm vào cuối năm 2013.

Ou Virak, chủ tịch Trung tâm Nhân quyền Cam-pu-chia, nhận định đây là một vụ việc “đặc biệt quan trọng” vì một số lý do (Brinkley 2013). Trước tiên, nó cho thấy hệ thống tòa án của Cam-pu-chia đã quá tha hóa, vô dụng và không có năng lực để giải quyết loại vụ việc này trong nước. Như đã nói ở phần trước, đơn khởi kiện được nộp tại

tòa án Cam-pu-chia từ năm 2007 nhưng cho đến nay vẫn chưa đưa ra xét xử. Ou kết luận rằng “những công ty như thế này sẽ bị soi xét kỹ hơn trong tương lai. Bản thân điều này cũng có thể ảnh hưởng đến mức độ thu hồi đất mà chúng ta đang chứng kiến” (Brinkley 2013).

KẾT LUẬN

Nghiên cứu điển hình từ Cam-pu-chia cho thấy các quy định pháp luật đất đai được soạn thảo công phu cũng không thể bảo vệ cho người sử dụng đất nếu thiếu các thiết chế nhà nước có năng lực và độc lập. Luật Đất đai Cam-pu-chia 2001 là một trong những luật đất đai toàn diện nhất ở Đông Á. Luật cho phép xác lập quyền tài sản tư nhân đối với những nông dân có thể chứng minh rằng họ đã sử dụng đất trong một thời gian dài. Tuy nhiên, để luật phát huy tác dụng thì phải có một cơ quan quản lý hành chính đất đai minh bạch và có năng lực để cấp giấy tờ sở hữu đất một cách vô tư theo các nguyên tắc căn bản đã đề ra trong Luật Đất đai 2001. Ngân hàng Thế giới đã rút những hỗ trợ của mình đối với chương trình chứng nhận sở hữu đất ở Cam-pu-chia vì họ phản nản rằng các cơ quan chức năng ở địa phương không chịu cấp giấy tờ sở hữu cho nông dân đang sống trên những vùng đất đã được quy hoạch để chuyển đổi sang ECL. Một khi giấy tờ sở hữu đã cấp cho nông dân, chính quyền sẽ gặp nhiều khó khăn hơn trong việc thu hồi để giao đất tô nhượng cho trồng cây công nghiệp.

Một khó khăn nữa đối với nông dân Cam-pu-chia là tính chất cá biệt hóa của các quyền tài sản được ghi nhận trong Luật Đất đai 2001 không tạo thuận lợi cho việc tiến hành các khiếu kiện tập thể. Thay vào đó, nông dân phải dựa vào các NGO để huy động nguồn lực và tiến hành khiếu kiện tập thể để cùng phản kháng việc thu hồi đất không có đền bù thỏa đáng.

Nghiên cứu điển hình Koh Kong cũng cho thấy, các thiết chế trong nước đã hoàn toàn thất bại trong việc tạo điều kiện cho người dân bị mất đất đàm phán bình đẳng với các doanh nghiệp sản xuất đường. Từ 2007, Hội đồng Địa chính đã không thành công trong việc tổ chức thương lượng, hòa giải giữa nông dân mất đất và doanh nghiệp sản xuất đường. Các nỗ lực yêu cầu xem xét tính hợp pháp của các thỏa thuận ELC cũng bị ngăn chặn. Các tòa án Cam-pu-chia đã lần lữa không chịu đưa vụ việc ra xét xử và đồng thời muốn chuyển việc sang cho các cơ quan hành chính quyết định.

Thất bại vì những bế tắc khi giải quyết tranh chấp trong nước, người dân mất đất đã đưa tranh chấp của mình lên những cơ quan quốc tế. Khiếu nại đã

được trình lên các cơ quan EU và Mỹ để yêu cầu điều tra những sai phạm về nhân quyền trong việc lấy đất của nông dân ở Cam-pu-chia. Nông dân cũng đã cố gắng gây áp lực với Tate and Lyle – khách hàng quốc tế chính mua sản phẩm đường từ các đồn điền ECL Koh Kong. Tate and Lyle đã bị Bonsucro – một tổ chức tiêu chuẩn hóa xuyên quốc gia, tước chứng nhận sản phẩm đạo đức. Cho đến nay áp lực này vẫn chưa thành công trong việc đưa các doanh nghiệp sản xuất đường ngồi vào bàn đàm phán về tiền đền bù cho người dân mất đất.

Trong một diễn biến khác, các nông dân mất đất đã khởi kiện Tate and Lyle ra tòa án ở Anh. Chiến lược này dựa vào quyền tài phán ngoài lãnh thổ của các tòa án Anh,

theo đó các công ty đăng ký tại Anh có thể bị buộc phải chịu trách nhiệm về những hoạt động của mình tiến hành ở nước ngoài. Nếu thành công, vụ kiện này có thể giúp người nông dân mất đất được chia sẻ những lợi nhuận tạo ra từ các cây mía đường trồng trên đất của họ. Khi đó, các tòa án Anh sẽ chịu trách nhiệm cưỡng chế thi hành các quyền tài sản tư nhân được bảo hộ trong Luật Đất đai 2001 của Cam-pu-chia – một điều mà các thiết chế nhà nước Cam-pu-chia cho đến nay chưa bao giờ làm được.

(Nguồn: UNDP Việt Nam 2014. Tranh chấp thu hồi đất ở Đông Á: Phân tích so sánh và khuyến nghị đối với Việt Nam)



Nguồn ảnh: Cuộc thi ảnh «Đất và người», Oxfam

PHỤ LỤC

PHỤ LỤC 1: MỘT SỐ CƠ CHẾ GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP

STT	Cơ chế giải quyết tranh chấp	Ví dụ
1	Cơ chế Tòa án	
	Hệ thống Tòa án quốc gia	
2	Cơ chế giải quyết tranh chấp của Nhà nước	
	Hòa giải	
	Trọng tài	
	Các cơ quan khác, tùy theo đặc thù mỗi quốc gia	Ở Campuchia có: - Hội đồng Địa chính (the Cadastral Commission); - Cơ quan quốc gia giải quyết tranh chấp đất đai (the National Authority for Land Dispute Resolution - NALDR)
3	Cơ chế nhân quyền quốc tế	
	Thủ tục đặc biệt của Ủy ban Nhân quyền (Special Procedures of the Human Rights Council)	
	Các Cơ quan giám sát thực thi các Hiệp định về Nhân quyền (Human Rights treaty bodies). Committee on Enforced Disappearances (CED)	Có 10 cơ quan giám sát thực thi các hiệp định cơ bản về nhân quyền quốc tế bao gồm: - Human Rights Committee (CCPR) - Committee on Economic, Social and Cultural Rights (CESCR) - Committee on the Elimination of Racial Discrimination (CERD) - Committee on the Elimination of Discrimination against Women (CEDAW) - Committee against Torture (CAT) - Subcommittee on Prevention of Torture (SPT) - Committee on the Rights of the Child (CRC) - Committee on Migrant Workers (CMW) - Committee on the Rights of Persons with Disabilities (CRPD)
4	Các cơ chế giải quyết tranh chấp ngoài Nhà nước	
4.1	Cơ chế của các tổ chức tài chính	Cơ chế Compliance Advisory Ombudsman (CAO) của nhóm Ngân hàng Thế giới (World Bank Group). Cơ chế trách nhiệm giải trình (Accountability Mechanism) của Ngân hàng Phát triển Châu Á (ADB). Cơ chế Khiếu nại (Complaints Mechanism). Của Ngân hàng Đầu tư Châu Âu (European Investment Bank)

STT	Cơ chế giải quyết tranh chấp	Ví dụ
4.1	Cơ chế của các tổ chức tài chính	Cơ chế khiếu nại dự án (the Project Complaint Mechanism) của Ngân hàng Tái thiết và Phát triển Châu Âu (The European Bank for Reconstruction and Development). Cơ chế Thủ tục phản đối (Objection Procedures) của Cơ quan Hợp tác quốc tế Nhật Bản (JICA) và Ngân hàng Hợp tác Quốc tế Nhật Bản (JBIC).
4.2	Cơ chế đa bên	
	Cơ chế của các sáng kiến bền vững đa bên	Cơ chế khiếu nại việc cấp Chứng chỉ rừng bền vững (The Forest Stewardship Council -FSC) thông qua vi phạm các nguyên tắc và tiêu chí (Principles and Criteria) của cấp chứng nhận FSC.
		Cơ chế khiếu nại (Complaints) của Hội nghị bàn tròn về Dầu cọ bền vững (The Roundtable on Sustainable Palm Oil - RSPO) trong việc cấp chứng nhận RSPO.
		Quá trình giải quyết (resolution process) các vi phạm về Quy tắc ứng xử (code of conduct) của Bonsucro đối với việc cấp chứng nhận bonsucro của ngành mía đường.
	Cơ chế đa quốc gia	Thủ tục khiếu nại (Grievance Procedure) của Hội nghị bàn tròn các nguyên liệu sinh học bền vững (The Roundtable on Sustainable Biomaterials - RSB) đối với vi phạm các nguyên tắc và tiêu chí (principles and criteria) của việc cấp chứng nhận RSB.
4.3	Cơ chế giải quyết tranh chấp theo chính sách nội bộ của công ty	Cơ chế Đầu mối liên lạc quốc gia (national contact point) của Tổ chức hợp tác và Phát triển Kinh tế (The Organization for Economic Co-operation and Development - OECD) theo Hướng dẫn cho Doanh nghiệp đa quốc gia (Guidelines for Multinational Enterprises) áp dụng các tiêu chuẩn môi trường và xã hội cho hoạt động đầu tư kinh doanh có trách nhiệm.
		Nestlé đưa ra cam kết Tạo ra giá trị chia sẻ (Creating Shared Value) với nhiều chính sách nhằm bảo vệ nhân quyền, môi trường và xã hội. Nestlé thông qua Nguyên tắc kinh doanh (The Nestlé Corporate Business Principles) và Quy tắc đối với các nhà cung ứng (The Nestlé Supplier Code) để đảm bảo thực hiện các cam kết của mình. Các chính sách cụ thể hơn được ban hành theo chủ đề như Chính sách của Nestlé về bền vững môi trường (The Nestlé Policy on Environmental Sustainability) và Cam kết của Nestlé về lao động trẻ em trong chuỗi cung ứng nông nghiệp (The Nestlé Commitment on Child Labour in Agricultural Supply Chains). Các vi phạm đối với những cam kết của Doanh nghiệp được giải quyết thông qua hai cơ chế: • Hệ thống báo cáo Liêm chính của Nestlé (Integrity Reporting System) dành cho người lao động; • Hệ thống Báo cáo Tuân thủ "Tell us" dành cho các bên khác.

PHỤ LỤC 2. DANH MỤC CÁC VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT CÓ LIÊN QUAN

STT	Văn bản
A	Pháp luật Việt Nam về đầu tư ra nước ngoài
1	Luật Đầu tư 2014
2	Quyết định 236/QĐ-TTG năm 2009 phê duyệt Đề án “Thúc đẩy đầu tư của Việt Nam ra nước ngoài” do Thủ tướng Chính phủ ban hành
3	Nghị định 83/2015/NĐ-CP quy định về đầu tư ra nước ngoài
4	Thông tư 09/2015/TT-BKHĐT về mẫu văn bản thực hiện thủ tục đầu tư ra nước ngoài do Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư ban hành
5	Thông tư 12/2016/TT-NHNN hướng dẫn về quản lý ngoại hối đối với hoạt động đầu tư ra nước ngoài do Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam ban hành
6	Thông tư 36/2013/TT-NHNN Quy định việc mở và sử dụng tài khoản ngoại tệ để thực hiện hoạt động đầu tư trực tiếp ra nước ngoài do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam ban hành
7	Thông tư hướng dẫn thực hiện nghĩa vụ thuế đối với nhà đầu tư Việt Nam đầu tư ra nước ngoài do Bộ Tài chính ban hành
8	Chỉ thị 03/CT-NHNN năm 2015 về thúc đẩy tăng trưởng tín dụng xanh và quản lý rủi ro môi trường và xã hội trong hoạt động cấp tín dụng do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam ban hành
B	Pháp luật của Campuchia
B.1	Đất đai
1	Nghị định số 46 về nhượng bộ đất kinh tế
2	Luật đất đai
3	Luật cung cấp cho người nước ngoài quyền sở hữu trong các đơn vị tư nhân của các tòa nhà đồng sở hữu
4	Lệnh số 01 về quản lý nhượng đất kinh tế
5	Prakas # 021 về việc thu thuế bất động sản cho thuê (tòa nhà và đất trống)
6	Nghị định số 114 (RGC) về thế chấp và chuyển nhượng quyền đối với hợp đồng thuê dài hạn hoặc nhượng bộ đất kinh tế
7	Nghị định 19ANKR về nhượng đất kinh tế
8	Nghị định về tuyên bố tài sản nhà nước
9	Chỉ thị 01: Các biện pháp tăng cường và nâng cao hiệu quả quản lý các nhượng bộ đất kinh tế (ELC) (2012)
10	Luật nhượng bộ (2007)
B.2	Môi trường
11	Luật bảo vệ môi trường và quản lý tài nguyên thiên nhiên
12	Nghị định số 72 ANRK.BK về quy trình đánh giá tác động môi trường (PDF)
13	Nghị định số 27 về kiểm soát ô nhiễm nước
14	Nghị định số 36 về quản lý chất thải rắn
15	Nghị định số 42 về kiểm soát ô nhiễm không khí và tiếng ồn
16	Nghị định phụ về ô nhiễm không khí và kiểm soát tiếng ồn
17	Luật bảo vệ thiên nhiên (Luật bảo vệ khu vực)

STT	Văn bản
B.3	Lao động
18	Luật an sinh xã hội (Royal Kram NS / RKM / 0902/018) (Luật An sinh xã hội trực tuyến)
19	Luật bảo vệ và thúc đẩy quyền của người khuyết tật
20	Thông cáo báo chí của Ủy ban tư vấn lao động (MoLVT & LAC)
21	Luật lao động của Campuchia
C	Pháp luật của Lào
1	Luật nông nghiệp (1998)
2	Luật đất đai (2003 – under revision)
3	Luật xúc tiến đầu tư nước ngoài (2004)
4	Luật lâm nghiệp (2007 – under revision)
5	Luật bảo vệ môi trường 2012
6	Luật Lao động Lào 2013
7	Quy định 13/PM (2012) về các dự án đầu tư tạm dừng liên quan đến khai thác, cao su, bạch đàn tại Lào
8	Nghị định 88/PM (2008) về việc thi hành luật đất đai bằng tiếng Anh
9	Nghị định 112/PM (2010) về đánh giá tác động môi trường bằng tiếng Anh
10	Nghị định 135/PM (2009) về cho thuê đất hoặc nhượng đất bằng tiếng Anh
11	Nghị định 84/PM (2016) về bồi thường và tái định cư cho những người bị ảnh hưởng bởi các dự án phát triển bằng tiếng Anh
12	Quy định thi hành Nghị định 192/PM (2005) về bồi thường bằng tiếng Anh
13	Hướng dẫn cấp Bộ 8029/MONRE (2013) về Quy trình kiểm tra môi trường ban đầu đối với các dự án và hoạt động đầu tư bằng tiếng Anh
14	Hướng dẫn cấp Bộ 8030/MONRE (2013) về Quy trình đánh giá tác động môi trường và xã hội của các dự án và hoạt động đầu tư bằng tiếng Anh
D	Pháp luật Quốc tế
D.1	Liên hợp quốc (LHQ)
1	Tuyên ngôn thế giới về quyền lợi của con người
2	Công ước quốc tế về các quyền kinh tế, xã hội và văn hóa
3	Công ước quốc tế về quyền dân sự và chính trị
4	Nghị định thư không bắt buộc theo Công ước quốc tế về các quyền dân sự và chính trị
5	Công ước về quyền trẻ em (CRC)
6	Công ước quốc tế về bảo vệ quyền của tất cả công nhân nhập cư và thành viên của gia đình họ (ICMRW) bằng tiếng Anh
D.2	Những người bản xứ:
7	Tuyên bố của Liên hợp quốc về quyền của người bản địa (in English)
D.3	Tổ chức Lao động Quốc tế (ILO)
8	Công ước tổ chức lao động quốc tế 169
9	Tuyên bố của Tổ chức Lao động Quốc tế về Nguyên tắc và Quyền cơ bản tại nơi làm việc

PHỤ LỤC 3. MỘT SỐ CÔNG CỤ, HƯỚNG DẪN THAM KHẢO

STT	Tài liệu
1	Hướng dẫn xây dựng báo cáo Phát triển bền vững G4, Tổ chức Sáng kiến Báo cáo toàn cầu (GRI) Website: https://www.globalreporting.org/Pages/default.aspx Bản tiếng Việt: http://www.pwc.com/vn/vn/services/gri-about.html
2	Tuyên bố Chính sách bảo trợ của Ngân hàng Phát triển Châu Á (ADB) Website: https://www.adb.org/sites/default/files/institutional-document/32707/files/safeguard-policy-statement-june2009-vn.pdf
3	Khung Môi trường và xã hội của Ngân hàng Thế giới (WB) Links: https://consultations.worldbank.org/Data/hub/files/consultation-template/review-and-update-world-bank-safeguard-policies/en/materials/the_esf_clean_final_for_public_disclosure_post_board_august_4.pdf (áp dụng từ năm 2018)
4	Hướng dẫn xem xét Môi trường và Xã hội của Cơ quan Hợp tác phát triển Nhật Bản Link: https://www.jica.go.jp/english/our_work/social_environmental/guideline/index.html
5	Hướng dẫn Tôn trọng Đồng thuận dựa trên nguyên tắc tự nguyện, được thông báo trước và cung cấp thông tin đầy đủ Link: http://www.fao.org/3/a-i3496e.pdf
6	Hướng dẫn của OECD cho các Doanh nghiệp đa quốc gia http://www.oecd.org/corporate/mne/1922428.pdf
7	Hướng dẫn cho Chuỗi cung ứng nông nghiệp có trách nhiệm Link: http://www.oecd.org/corporate/mne/1922428.pdf
8	Hướng dẫn tự nguyện về quản trị có trách nhiệm đối với sử dụng Đất, Thủy sản và Rừng trong bối cảnh An ninh Lương thực quốc gia (Voluntary Guidelines on the Responsible Governance of Tenure of Land, Fisheries and Forests in the Context of National Food Security – VGGT) Link: http://www.fao.org/docrep/016/i2801e/i2801e.pdf

PHỤ LỤC 4. THÔNG TIN NHÓM DOANH NGHIỆP TIỀN PHONG

CÔNG TY GEMADEPT	Công ty GEMADEPT tiền thân là một doanh nghiệp Nhà nước, thành lập năm 1990. Cùng với chính sách đổi mới kinh tế của Chính phủ, năm 1993, GEMADEPT trở thành một trong ba công ty đầu tiên được cổ phần hóa và được niêm yết trên thị trường chứng khoán Việt Nam từ năm 2002. GEMADEPT là công ty đa ngành đầu tư cả bất động sản, trồng rừng và hiện dẫn đầu thị trường khai thác cảng, logistics ở Việt Nam. Hiện GEMADEPT có dự án trồng 30.000ha cao su ở Campuchia. Website: http://www.gemadept.com.vn/
HIỆP HỘI CAO SU VIỆT NAM	Hiệp hội Cao su Việt Nam được thành lập cuối năm 2002, là tổ chức tự nguyện của các doanh nghiệp, đơn vị hoạt động trong ngành cao su và những ngành có liên quan nhằm hỗ trợ Hội viên về sản xuất kinh doanh, bảo vệ quyền lợi chính đáng của Hội viên và góp phần phát triển ngành cao su bền vững. Đến nay, Hiệp hội có khoảng 140 Hội viên hoạt động trong các lĩnh vực trồng cây cao su, sơ chế, chế biến, kinh doanh, xuất nhập khẩu và dịch vụ. Trong đó có 7 Hội viên đầu tư trồng cao su tại Lào với tổng diện tích khoảng 38.000 ha và 15 Hội viên đầu tư trồng cao su tại Campuchia với tổng diện tích khoảng 90.000 ha. Website: http://www.vra.com.vn/
HỘI PHÁT TRIỂN HỢP TÁC KINH TẾ VIỆT NAM-LÀO-CAMPUCHIA	Hội Phát triển Hợp tác Kinh tế Việt Nam - Lào - Campuchia (VILACAED) được phép thành lập theo Quyết định số 103/QĐ-BNV ngày 13-2-2008 của Bộ Nội vụ với tôn chỉ mục đích là tập hợp đoàn kết hội viên, hỗ trợ lẫn nhau phát triển và nâng cao hiệu quả hợp tác kinh tế giữa Việt Nam với các nước Lào và Campuchia; tư vấn, thẩm định và phản biện xã hội đối với các chiến lược, quy hoạch, kế hoạch, các cơ chế chính sách, xây dựng pháp luật, cải cách hành chính... liên quan đến hợp tác kinh tế với các quốc gia này. Hội gồm 6 trung tâm hợp tác, hỗ trợ phát triển; 3 viện nghiên cứu, đào tạo, tư vấn; 4 hội thành viên ở địa phương và Lào, Campuchia; 3 văn phòng đại diện (tại Lào, Campuchia và thành phố Hồ Chí Minh), 1 tờ báo và 1 tạp chí. Hiện Hội đang mở rộng hoạt động gắn liền với quá trình hợp tác phát triển của Cộng đồng kinh tế ASEAN. Website: http://www.vilacaed.org.vn/
CÔNG TY CỔ PHẦN NÔNG NGHIỆP QUỐC TẾ HOÀNG ANH GIA LAI	Công ty cổ phần Nông nghiệp Quốc tế Hoàng Anh Gia Lai (HAGL Agrico) được thành lập vào năm 2010 khi Công ty cổ phần Hoàng Anh Gia Lai (Công ty mẹ) thực hiện chương trình tái cấu trúc tập đoàn. Công ty HAGL Agrico được tổ chức theo mô hình công ty mẹ-công ty con, gồm 23 công ty con và 01 công ty liên kết. Công ty hiện đang hoạt động với 4 ngành nghề chính: trồng và chế biến các sản phẩm từ cây Cao su, cây Cọ dầu và cây Mía cùng với Chăn nuôi bò. HAGL Agrico hiện trở thành một trong những doanh nghiệp có tổng quỹ đất lớn giúp tăng cường áp dụng khoa học kỹ thuật vào nông nghiệp và tạo việc làm cho gần 14.000 lao động thường xuyên và lao động thời vụ ở cả Việt Nam, Lào và Campuchia. Website: http://haagrico.com.vn/

CÔNG TY TNHH MTV HỢP TÁC KINH TẾ 385	Công ty TNHH MTV hợp tác kinh tế 385 là công ty trực thuộc Tổng công ty 15, Binh đoàn 15; do nhà nước Việt Nam làm chủ sở hữu. Công ty hoạt động chính trong lĩnh vực trồng cây cao su và kinh doanh các sản phẩm cao su, xây dựng các công trình dân dụng, trồng cà phê, chăn nuôi và làm dịch vụ 02 đầu. Bắt đầu đầu tư kinh doanh ở Lào từ năm 2006, hiện công ty có 2000 ha trồng cao su và 200 ha chăn nuôi. Trong thời gian qua, Công ty cũng đã tạo việc làm cho khoảng 800 lao động địa phương.
CÔNG TY TNHH MTV HỮU NGHỊ NAM LÀO	Công ty TNHH MTV Hữu Nghị Nam Lào là Doanh nghiệp thuộc Quân đoàn 206, Bộ Quốc phòng với 100% vốn Nhà nước. Công ty hoạt động trong hai lĩnh vực chính là trồng, chăm sóc, chế biến, kinh doanh cây cao su, cà phê và sản xuất vật liệu xây dựng. Công ty bắt đầu đầu tư, kinh doanh tại Lào từ năm 2006 và tại Campuchia từ năm 2009. Đến nay, tổng vốn đầu tư của công ty tại Lào là hơn 660 tỷ VNĐ và hơn 420 tỷ ở Campuchia. Bên cạnh hoạt động đầu tư kinh doanh, Công ty còn hỗ trợ xây dựng các công trình từ nguồn vốn viện trợ của Chính phủ Việt Nam, Bộ Quốc phòng và các tỉnh của Việt Nam giáp biên giới với Campuchia và Lào.
TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP CAO SU VIỆT NAM	Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam tiền thân là Ban Cao su Nam bộ được thành lập từ năm 1975 và từ năm 2006 hoạt động theo mô hình Tập đoàn kinh tế Nhà nước. Hiện Tập đoàn có hơn 120 công ty thành viên và các đơn vị trực thuộc như Viện nghiên cứu Cao su, Trường Cao đẳng Công nghiệp Cao su, Tạp chí Cao su và trung tâm y tế cao su, tạo việc làm cho gần 100.000 lao động ở Việt Nam, Lào và Campuchia. Ngành nghề kinh doanh chính là trồng, chế biến, kinh doanh cao su, chế biến gỗ nhân tạo; công nghiệp cao su, hiện tổng diện tích cao su của Tập đoàn là 280.000 ha ở Việt Nam. Tập đoàn, các công ty thành viên hợp tác cùng các đối tác bắt đầu đầu tư phát triển cây cao su ở Lào từ năm 2006, hiện có 26.00 ha và ở Campuchia từ năm 2007 với tổng diện tích là hơn 90.000 ha. Website: http://www.vnrubbergroup.com/en/
CÔNG TY CỔ PHẦN TỔNG CÔNG TY TÍN NGHĨA	Thành lập vào năm 1989, đến nay Công ty Cổ phần Tổng Công ty Tín Nghĩa (Tín Nghĩa) đã trở thành một trong các Tổng Công ty lớn của tỉnh Đồng Nai với 8 Công ty con, 5 Đơn vị trực thuộc và 11 Công ty liên doanh liên kết. Năm 2007, Tín Nghĩa được Chương trình Phát triển Liên Hợp Quốc (UNDP) bình chọn là một trong 200 doanh nghiệp lớn nhất Việt Nam. Các lĩnh vực hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty gồm: hạ tầng KCN; nông sản; logistics; xăng dầu, khí đốt; bất động sản, du lịch, nghỉ dưỡng; vật liệu xây dựng, kinh doanh thương mại. Tín Nghĩa bắt đầu làm nông nghiệp kể từ khi thành lập Công ty CP Tín Nghĩa – Lào vào năm 2008 để thực hiện dự án trồng, chăm sóc và kinh doanh cà phê tại huyện Paksong, tỉnh Champasak, CHDCND Lào với tổng diện tích 511,43 ha. Website: http://www.timexco.com/

* Thông tin được cập nhật tại thời điểm hình thành Nhóm Doanh nghiệp Tiên phong, 2016.

PHỤ LỤC 5. CÁC ĐỊA CHỈ HỮU ÍCH

Ở VIỆT NAM	
CỤC ĐẦU TƯ NƯỚC NGOÀI – BỘ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ Địa chỉ: 6B Hoàng Diệu, Ba Đình, Hà Nội Điện thoại: 080-48461 Fax: 047343769 Email: tonghop.dtnn@mpi.gov.vn Website: http://fia.mpi.gov.vn	TRUNG TÂM XÚC TIẾN ĐẦU TƯ PHÍA BẮC Địa chỉ: 65 Văn Miếu, Đống Đa, Hà Nội Điện thoại: (84-4) 37475998 Fax: (84-4) 38437927 Email: ipcn@mpi.gov.vn Website: http://www.ipcn.mpi.gov.vn
TRUNG TÂM XÚC TIẾN ĐẦU TƯ MIỀN TRUNG Địa chỉ: Tầng 5, Tòa nhà Văn phòng III – Bộ Kế hoạch và Đầu tư, 103 Lê Sát, Quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng, Việt Nam Điện thoại: (84) - 511 - 3797 669/689/699/738 Fax: (84) - 511 - 3797679 Email: ipcmientrung@gmail.com Website: www.centralinvest.mpi.vn	TRUNG TÂM XÚC TIẾN ĐẦU TƯ PHÍA NAM (IPCS) Địa chỉ: Số 178 Nguyễn Đình Chiểu, Phường 6, Quận 3, thành phố Hồ Chí Minh Điện thoại: (+84-8) 9306671 (20 lines) Fax: (+84-8) 9305413 Email: ipcs@ipcs.vn hoặc ipcs@mpi.gov.vn Website: http://www.ipcs.vn/vn/
TỔNG CỤC HẢI QUAN http://www.customs.gov.vn Địa chỉ: 162 Nguyễn Văn Cừ, Long Biên, Hà Nội Tel: 4 3872 7033 Fax: 4 3872 5949 15B Thi Sách, Quận 1, thành phố Hồ Chí Minh Tel: 8 3823 3536	NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC http://www.sbv.gov.vn Địa chỉ: 49 Lý Thái Tổ, Quận Hoàn Kiếm, Hà Nội Tel: 4 3824 1534 17 Bến Chương Dương, Quận 1, Tp Hồ Chí Minh Tel: 8 3829 2157/3829 215
BỘ LAO ĐỘNG – THƯƠNG BINH VÀ XÃ HỘI http://www.molisa.gov.vn Địa chỉ: 12 Ngô Quyền, Quận Hoàn Kiếm, Hà Nội Tel: 4 3826 4222/3826 9557 Fax: 4 3824 8036 45 Phạm Ngọc Thạch, Quận 3, Tp Hồ Chí Minh Tel: 8 3823 0853 Fax: 8 3822 4115	TỔNG CỤC THUẾ Website: http://www.gdt.gov.vn Địa chỉ: 18 Tam Trinh, Hai Bà Trưng, Hà Nội Điện thoại: 04-3-9.712.310 Fax: 04-3-9.712.286

BỘ CÔNG THƯƠNG http://www.moit.gov.vn Địa chỉ: 54 Hai Bà Trưng, Hà Nội Tel: 4 3220 2222 Fax: 4 3220 2525 45 Trần Cao Vân, Quận 3, Tp Hồ Chí Minh Tel: 8 3829 4631 Fax: 8 3824 3273	PHÒNG QUẢN LÝ XUẤT NHẬP CẢNH Địa chỉ: 89 Trần Hưng Đạo, Hà Nội Tel: 4 3822 0579 254 Phố Nguyễn Trãi, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh Tel: 8 3920 1701/3824 4074 - Fax: 8 3825 6829
BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN http://www.mard.gov.vn Địa chỉ: 2 Ngọc Hà, Quận Ba Đình, Hà Nội Tel: 4 3846 8161/3843 6171 Fax: 4 3845 4319/3737 0752 135 Pasteur, Phường 6, Quận 3, Tp Hồ Chí Minh Tel: 8 3822 8471/3822 4106 Fax: 8 3822 4776/3823 8241	BỘ NGOẠI GIAO http://www.mofa.gov.vn Địa chỉ: 1 Tôn Thất Đàm, Quận Ba Đình, Hà Nội Tel: 4 3199 2000/3199 3000 Fax: 4 3823 1872
Ở NƯỚC NGOÀI	
Tại Lào	
ĐẠI SỨ QUÁN VIỆT NAM TẠI LÀO Địa chỉ: Số 85, 23 Đường Singha, Vientiane, CHDCND Lào Điện thoại: +856-21-451990, 413409 Fax: +856-21-41379 Email: vnemb.lao@mofa.gov.vn Website: http://www.mofa.gov.vn/vnemb.la	TỔNG LÃNH SỰ QUÁN VIỆT NAM TẠI LUANGPRABANG Địa chỉ: Số 427-428, Bản That BoSot, huyện Luangprabang, tỉnh Luangprabang, CHDCND Lào. Điện thoại: +856-071-254745 Fax: +856-071-254746 Email: tlsq-lpb@mofa.gov.vn
TỔNG LÃNH SỰ QUÁN VIỆT NAM TẠI PAKSE Địa chỉ: Số 31 Banphabat, thị xã Pakse, tỉnh Champasak, CHDCND Lào Điện thoại: +856-031- 0085631. 212827 Fax: +856-031- 0085631 / 214140 / 212058 Email: vnemb.la@mofa.gov.vn	TỔNG LÃNH SỰ QUÁN VIỆT NAM TẠI SAVANNAKHET Địa chỉ: Số 118, Đường Sisavangvong, thị xã Kayson Phomvihan, tỉnh Savannakhet, CHDCND Lào Điện thoại: +856-41-251583 Fax: +856-41-212182 Email: lanhsusavan@mofa.gov.vn

Tại Campuchia	
ĐẠI SỨ QUÁN VIỆT NAM TẠI CAMPUCHIA Địa chỉ: 440 Đại lộ Monivong, Phnom Penh, Campuchia Điện thoại: +855-23-726.274 Fax: +855-23-726.495 Email: tccpc@mofa.gov.vn	TỔNG LÃNH SỰ QUÁN VIỆT NAM TẠI BATTAMBANG Địa chỉ: Đường 3, Sangkat Svay Por, tỉnh Battambang, Campuchia Điện thoại: +855-53-6888867 Fax: +855-53-6888866 Email: battambang.kh@mofa.gov.vn hoặc consul.battambang@mofa.gov.vn
TỔNG LÃNH SỰ QUÁN VIỆT NAM TẠI SIHANOUKVILLE Địa chỉ: 310 Đường Ekareach, Quận Mittapheap, tỉnh Sihanouk, Campuchia Điện thoại: +855-34-933.466 Fax: 855-34-933 669	
Tại Thái Lan	
ĐẠI SỨ QUÁN VIỆT NAM TẠI VƯƠNG QUỐC THÁI LAN Địa chỉ: 83/1 Đường Wireless, Lumpini, Pathumwan, Bangkok 10330, Thái Lan Điện thoại Tổng đài: (+66) 22515838; (+66) 22517202 Fax: +66 (0) 2 251 7201; +66 (0) 2 251 7203 Email: vnemb.th@mofa.gov.vn	THƯƠNG VỤ VIỆT NAM TẠI THÁI LAN (KIÊM NHIỆM NEPAL) Địa chỉ: 83/1 Đường Wireless, Bangkok 10330, Thái Lan Điện thoại: (+66) 2 650-8454 Fax: (+66) 2 252-6950 Email: th@moit.gov.vn
Tại Myanmar	
ĐẠI SỨ QUÁN VIỆT NAM TẠI CỘNG HÒA LIÊN BANG MYANMAR Địa chỉ: Số 256-268, Đường Ahlone, Quận Dagon, Thành phố Yangon, Myanmar Điện thoại: + 95-1- 2303227 Fax: + 95-1- 2303226 Email: vnembmyr2012@gmail.com	THƯƠNG VỤ VIỆT NAM TẠI MYANMAR Địa chỉ: Số 70-72, Đường Than Lwin, Thị trấn Bahan, Thành phố Yangon, Myanmar Điện thoại: + 95 1 511 305 (109) Fax: + 95 1 514 897 Email: mm@moit.gov.vn

THƯƠNG VỤ VIỆT NAM TẠI MALAYSIA Địa chỉ: Số 4 Persiaran Stonor 50450 Kuala Lumpur, Malaysia Điện thoại: 603 2141 4692; 603 2141 5134 Fax: 603 2141 4696 Email: my@moit.gov.vn	THƯƠNG VỤ VIỆT NAM TẠI INDONESIA (KIỂM NHIỆM TIMOR-LESTE, PAPUA NEW GUINEA) Địa chỉ: Số 12 Jl. Bondowoso, Menteng, Jakarta 10350, Indonesia Điện thoại: (+62 21) 3190 4344 Fax: (+62 21) 3193 8005 Email: id@moit.gov.vn; minhth@moit.gov.vn
THƯƠNG VỤ ĐẠI SỨ QUÁN VIỆT NAM TẠI PHILIPPINES (KIỂM NHIỆM CỘNG HÒA PALAU) Địa chỉ: 670 Đường Pablo Ocampo, Quận Malate, Manila, Philippines Điện thoại: (632) 404 3659 Fax: (632) 404 3661 Email: ph@moit.gov.vn	THƯƠNG VỤ VIỆT NAM TẠI HONG KONG (KIỂM NHIỆM MACAU) Địa chỉ: 17/F, Tòa nhà Golden Star, Số 20 Đường Lockhart, Wan Chai, Hong Kong Điện thoại: (852) 2865 3218; (852) 2527 0495 Fax: (+852) 2865 3808 Email: hk@moit.gov.vn; hkvnttrade@gmail.com
THƯƠNG VỤ VIỆT NAM TẠI AUSTRALIA (KIỂM NHIỆM VANUATU, QUẦN ĐẢO MARSHALL, MICRONESIA, QUẦN ĐẢO SOLOMON) Địa chỉ: Số 115 Đường Commonwealth, Surry Hills, Sydney, NSW 2010 Australia Điện thoại: (+61) 2 921-16664 Fax: (+61) 2 921-16653 Email: au@moit.gov.vn, vntrade@bigpond.net.au	THƯƠNG VỤ VIỆT NAM TẠI HÀN QUỐC Địa chỉ: Tầng 6, Tòa nhà Golden Bridge, Chungjeongno 3-ga, Số 222, Seodaemun-Gu, Seoul, 120-708, Hàn Quốc Điện thoại: (+82) (02) 364-3661 / 364-3662 Fax: (+82) (02) 364-3664 Website: http://www.ttnn.com.vn/nuoc-lanh-tho/132/thuong-vu.aspx Email: kr@moit.gov.vn
THƯƠNG VỤ VIỆT NAM TẠI NHẬT BẢN Địa chỉ: 50-11 Motoyogogicho, Shibuya-ku, Tokyo 151-0062, Nhật Bản Điện thoại: + 813 3466 3315; + 813 3466 3466 Fax: 813 3466 3360 Email: jp@moit.gov.vn	THƯƠNG VỤ VIỆT NAM TẠI NEW ZEALAND (KIỂM NHIỆM FIJI, SAMOA) Địa chỉ: Level 2, 90- 92 Dixon St. PO Box 11095, Manners St., Wellington 6142 Điện thoại: (+64) 4 8033 775 Fax: (+64) 4 8033 777 Email: nz@moit.gov.vn

Người biên soạn tài liệu: Nguyễn Hoàng Phương

Người hiệu đính: Phạm Quang Tú

Bản quyền thuộc Trung tâm Con người và Thiên nhiên (PanNature), Oxfam và VCCI

Hướng dẫn tự nguyện này được xây dựng bởi Trung tâm Con người và Thiên nhiên (PanNature), Oxfam tại Việt Nam và Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam (VCCI) với sự hỗ trợ của Chương trình Đối tác Mê Kông vì Môi trường (MPE), Oxfam và Quỹ đối tác các vùng sinh thái nhạy cảm (CEPF).

Ấn phẩm này được gửi tới các cá nhân, tổ chức và cơ quan có quan tâm, không vì mục đích thương mại.

	Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam VCCI là tổ chức quốc gia tập hợp và đại diện cho cộng đồng Doanh nghiệp, Doanh nhân, người sử dụng lao động và các hiệp hội Doanh nghiệp ở Việt Nam. Mục tiêu của VCCI là phát triển, bảo vệ và hỗ trợ cộng đồng Doanh nghiệp, góp phần phát triển kinh tế - xã hội đất nước, thúc đẩy hợp tác kinh tế, thương mại và khoa học – công nghệ với nước ngoài trên cơ sở bình đẳng và cùng có lợi, theo quy định của pháp luật. VCCI là tổ chức độc lập, phi chính phủ và phi lợi nhuận. http://vcci.com.vn
	Trung tâm Con người và Thiên nhiên PanNature là tổ chức phi lợi nhuận hoạt động nhằm bảo vệ môi trường, bảo tồn sự đa dạng sinh học và phong phú của thiên nhiên, nâng cao chất lượng cuộc sống của cộng đồng địa phương thông qua tìm kiếm, quảng bá, thực hiện các giải pháp bền vững và thân thiện với môi trường. www.nature.org.vn
	Oxfam Oxfam là một liên minh quốc tế gồm 20 tổ chức cùng hoạt động với các đối tác và cộng đồng tại hơn 90 quốc gia trên thế giới. Chúng tôi là một phần của phong trào toàn cầu nhằm đem lại tác động lớn hơn trong nỗ lực xóa đói giảm nghèo, bất bình đẳng và bất công. https://vietnam.oxfam.org

MỌI VẤN ĐỀ LIÊN QUAN ĐẾN HƯỚNG DẪN TỰ NGUYỆN, XIN LIÊN HỆ:

Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam (VCCI)

Văn phòng: 9, đường Đào Duy Anh, quận Đống Đa, Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: +84 24 3574 2022 Fax: +84 24 3574 2020

Email: webmaster@vcci.com.vn

Website: www.vcci.com.vn

Trung tâm Con người và Thiên nhiên (PanNature)

Văn phòng: 24 H2, Khu đô thị mới Yên Hòa, phường Yên Hòa, quận Cầu Giấy, Hà Nội, Việt Nam.

Hòm thư: P0 Box 612, Hanoi GPO, Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: +84 24 3556 4001 (Ext. 111) Fax: +84 24 3556 8941

Email: policy@nature.org.vn

Website: www.nature.org.vn

Facebook: <http://www.fb.com/PanNature>

Thông tin và câu chuyện về môi trường bằng tiếng Việt: <http://www.thiennhien.net>

Oxfam tại Việt Nam

Văn phòng: 22, đường Lê Đại Hành, quận Hai Bà Trưng, Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: +84 24 3945 4448 Fax: +84 24 39454449

Email: info.vietnam@oxfam.org

Website: <https://vietnam.oxfam.org>

Facebook: <https://www.facebook.com/oxfaminvietnam>

NHÀ XUẤT BẢN THANH NIÊN

64 Bà Triệu – Hà Nội

Điện thoại: 024 6263 1704 - 0904558369

Chịu trách nhiệm xuất bản:

Giám đốc – Tổng Biên tập: Nguyễn Xuân Trường

Biên tập: Chu Quang Khánh

In 400 cuốn, khổ 21 x 29,7 cm tại Công ty TNHH In Hồ Gươm;

Địa chỉ: 31 Giải Phóng, Đồng Tâm, Hai Bà Trưng, Hà Nội.

Theo XNXB: 1268-2019/CXBIPH/78-34/TN;

QĐXB số: 553/QĐ-NXBTN. In xong và nộp lưu chiểu năm 2019.

